

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ - KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT
H.PRO**

Giáo viên hướng dẫn	: Th.S Lâm Xuân Đào
Sinh viên thực hiện	: Ngô Thị Hoàn
MSSV	: 2254010075
Khóa học	: 2022 - 2026
Lớp	: 22KH2

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ - KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT
H.PRO**

Giáo viên hướng dẫn	: Th.S Lâm Xuân Đào
Sinh viên thực hiện	: Ngô Thị Hoàn
MSSV	: 2254010075
Khóa học	: 2022 - 2026
Lớp	: 22KH2

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày ... tháng 06 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Ngô Thị Hoàn
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất H.Pro

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

4. Các bảng biểu

5. Cán bộ hướng dẫn: Th.S Lâm Xuân Đào

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành Khóa luận: 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn
Lâm Xuân Đào

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ	6
DANH MỤC BẢNG BIỂU	6
DANH MỤC HÌNH ẢNH	7
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	10
LỜI CẢM ƠN	11
LỜI MỞ ĐẦU	12
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	1
1.1. Kế toán doanh thu và thu nhập	1
1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	1
1.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	6
1.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	7
1.1.4. Kế toán thu nhập khác	9
1.2. Kế toán chi phí.....	10
1.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán	11
1.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	14
1.2.3. Kế toán chi phí tài chính.....	16
1.2.4. Kế toán chi phí khác	18
1.2.5. Kế toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp.....	20
1.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	22
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	25
2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro	25
2.1.1. Khái quát về Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro	25
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển.....	25
2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty	25
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH TM & Sản xuất H.Pro	26
2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty	26
2.1.4.2. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban.....	27
2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH TM & Sản xuất H.Pro.....	28

2.1.5.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán Công ty	28
2.1.5.2. Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận	28
2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại Công ty	29
2.1.7. Chế độ kế toán và chính sách được áp dụng tại Công ty	30
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro	31
2.2.1. Kế toán doanh thu và thu nhập	31
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng	31
2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	38
2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác	42
2.2.2. Kế toán chi phí	45
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán	45
2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	51
2.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính	60
2.2.2.4. Kế toán chi phí khác	64
2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	69
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	75
CHƯƠNG 3. NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	79
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro	79
3.1.1. Ưu điểm	79
3.1.2. Hạn chế	80
3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất H.Pro	81
KẾT LUẬN	84
TÀI LIỆU THAM KHẢO	85
PHỤ LỤC	86

DANH MỤC SƠ ĐỒ

LỜI MỞ ĐẦU	12
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên nhận đại lý).....	4
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên giao hàng đại lý).....	5
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hàng bán trả góp, trả chậm.....	5
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	7
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	8
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	10
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán	14
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	16
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính.....	18
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí khác	20
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	22
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán Xác định kết quả kinh doanh	24
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty	26
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty	28
Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ kế toán của công ty	29
Sơ đồ 2.4: Hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên phần mềm kế toán Việt Đà.....	30

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Sổ Nhật ký chung (Trích sổ nhật ký chung).....	35
Bảng 2.2: Sổ Chi tiết TK 5111 (Trích sổ chi tiết 5111).....	36
Bảng 2.3: Sổ Cái TK 511 (Trích Sổ cái 511).....	37
Bảng 2.4: Sổ Nhật ký chung (Trích sổ Nhật ký chung).....	40
Bảng 2.5: Sổ Chi tiết TK 515 (Trích sổ Chi tiết 515).....	41
Bảng 2.6: Sổ Cái TK 515 (Trích Sổ cái 515).....	41
Bảng 2.7: Sổ Nhật ký chung (Trích sổ Nhật ký chung).....	43
Bảng 2.8: Sổ Chi tiết TK 711 (Trích sổ Chi tiết 711).....	44
Bảng 2.9: Sổ Cái TK 711 (Trích Sổ Cái 711).....	44
Bảng 2.10: Bảng tính đơn giá xuất kho của hàng Dung môi công nghiệp	47
Bảng 2.11: Sổ Nhật ký chung TK 632 (Trích sổ Nhật ký chung)	48
Bảng 2.12: Sổ Chi tiết TK 632 (Trích sổ Chi tiết 632).....	49
Bảng 2.13: Sổ Cái TK 632 (Trích sổ Cái 632).....	50
Hình 2.12: Giao diện hạch toán tiền lương.....	52
Bảng 2.14: Sổ Nhật ký chung (Trích sổ Nhật ký chung).....	58
Bảng 2.15: Sổ Chi tiết TK 6422 (Trích sổ Chi tiết 6422).....	59
Bảng 2.16: Sổ Cái TK 642 (Trích sổ Cái 642).....	60
Bảng 2.17: Sổ Nhật ký chung (Trích sổ Nhật ký chung).....	62
Bảng 2.18: Sổ Chi tiết TK 635 (Trích sổ Chi tiết 635).....	63
Bảng 2.19: Sổ Cái TK 635 (Trích sổ Cái 635).....	63
Bảng 2.20: Sổ Nhật ký chung (Trích sổ Nhật ký chung).....	67
Bảng 2.21: Sổ Chi tiết TK 811 (Trích sổ Chi tiết 811).....	68
Bảng 2.22: Sổ Cái TK 811 (Trích sổ Cái 811).....	68
Bảng 2.23: Sổ Nhật ký chung (Trích sổ Nhật ký chung).....	76
Bảng 2.25: Sổ Cái TK 911 (Trích sổ Cái 911).....	77

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1: Giao diện phần mềm hóa đơn điện tử EasyInvoice	32
Hình 2.2: Hóa đơn GTGT số 259.....	33
Hình 2.3: Giao diện đăng nhập tài khoản Việt Đà	34
Hình 2.4: Giao diện chứng từ bán hàng	34
Hình 2.5: Sao kê sổ phụ ngân hàng Techcombank	39
Hình 2.6: Giao diện nhập lãi tiền gửi ngân hàng	39
Hình 2.7: Giao diện hạch toán thu nhập khác	42
Hình 2.8: Giao diện hạch toán giá vốn hàng bán	46
Hình 2.9: Phiếu xuất kho theo HĐ 259	46
Hình 2.10: Trích Bảng chấm công	51
Hình 2.11: Trích Bảng thanh toán tiền lương	52
Hình 2.13: Hóa đơn xăng xe số 00024865.....	53
Hình 2.14: Giao diện hạch toán chi tiền mua xăng.....	54
Hình 2.15: Phiếu chi theo HĐ 24865.....	54
Hình 2.16: Hóa đơn ăn uống số 00002643	55
Hình 2.17: Giao diện hạch toán chi tiền ăn uống.....	56
Hình 2.18: Phiếu chi theo HĐ số 2643	56
Hình 2.19: Sổ theo dõi công cụ dụng cụ	57
Hình 2.20: Sổ Tài sản cố định.....	57
Hình 2.21: Sao kê sổ phụ ngân hàng Techcombank	61
Hình 2.22: Giao diện phần mềm hạch toán thanh toán lãi vay.....	61
Hình 2.23: Hóa đơn Bán hàng số 250	65
Hình 2.24: Giao diện phần mềm hạch toán chi phí khác	66
Hình 2.25: Giao diện phần mềm hỗ trợ kê khai thuế	70
Hình 2.26: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	71
Hình 2.27: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.....	74

Hình 2.28: Giao diện kết chuyển trên phần mềm Việt Đà.....	75
Hình 2.29: Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	78

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Tên viết tắt	Diễn giải
DV	Dịch vụ
GTGT	Giá trị gia tăng
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
XK	Xuất khẩu
BVMT	Bảo vệ môi trường
TH	Trường hợp
ĐTTC	Đầu tư tài chính
BĐSDT	Bất động sản đầu tư
TSCĐ	Tài sản cố định
SXKD	Sản xuất kinh doanh
SXC	Sản xuất chung
GVHB	Giá vốn hàng bán
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
CCDC	Công cụ dụng cụ
TSCĐ	Tài sản cố định

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro, em đã có cơ hội quý giá để áp dụng những kiến thức mà các thầy cô truyền đạt trong suốt bốn năm học vừa qua. Đặc biệt, các anh chị ở Công ty đã chia sẻ những kinh nghiệm quý báu giúp em thực hành và vận dụng những gì đã học một cách hiệu quả và nhanh chóng.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám Hiệu và toàn thể các thầy cô tại trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, đặc biệt là cô Lâm Xuân Đào, người đã tận tình hướng dẫn em trong suốt quá trình thực hiện bài Khóa luận tốt nghiệp. Sự hỗ trợ và hướng dẫn của cô đã giúp em hoàn thành bài Khóa luận tốt nghiệp một cách tốt nhất. Em cũng xin trân trọng cảm ơn Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro đã cho em cơ hội thực tập trong một môi trường chuyên nghiệp, nơi em có thể vận dụng kiến thức vào thực tế. Em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các chị công tác tại phòng kế toán đã hướng dẫn, hỗ trợ, chỉ bảo và tạo điều kiện tốt cho em trong suốt quá trình thực tập, giúp em hiểu biết thêm về thực tế kế toán.

Bị hạn chế về mặt kiến thức chuyên môn, do đó bài Khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Đồng thời bản thân Khóa luận là kết quả của một quá trình tổng kết, thu thập kết quả từ việc khảo sát thực tế, những bài học đúc rút từ trong quá trình thực tập và làm việc của em. Em rất mong có được những ý kiến đóng góp của thầy, cô để bài Khóa luận và bản thân em hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

1.1. Lý do chọn đề tài

Những năm vừa qua là cột mốc đánh dấu sự chuyển mình đổi mới vô cùng mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam. Cùng với việc mở rộng nền kinh tế, Đảng và nhà nước ta đã đưa ra nhiều chủ trương, chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, mở rộng giao lưu, hợp tác trên thị trường kinh tế rộng lớn. Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới, đã mở ra rất nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp song cũng tiềm ẩn không ít những khó khăn thử thách nhất là tại thời điểm hiện tại nền kinh tế đang ở trong tình trạng khủng hoảng. Trước tình hình đó đòi hỏi doanh nghiệp phải nỗ lực hết mình để tồn tại và phát triển.

Cũng như các doanh nghiệp khác, doanh nghiệp thương mại khi tiến hành hoạt động kinh doanh không những chịu tác động của quy luật giá trị mà còn chịu tác động của quy luật cung cầu và quy luật cạnh tranh, khi sản phẩm của doanh nghiệp được thị trường chấp nhận có nghĩa là giá trị của sản phẩm được thực hiện, lúc này doanh nghiệp sẽ thu về được một khoản tiền, khoản tiền này được gọi là doanh thu. Nếu doanh thu đạt được có thể bù đắp toàn bộ chi phí bất biến và khả biến bỏ ra, thì phần còn lại sau khi bù đắp được gọi là lợi nhuận. Bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn lợi nhuận đạt được là tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lý, phần lớn trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thì doanh thu đạt được chủ yếu là do quá trình tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm. Do đó việc thực hiện hệ thống kế toán về xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Từ những nhận thức đó, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro, em đã chọn đề tài: **“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro”** làm đề tài tốt nghiệp cho mình.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu

Qua việc nghiên cứu đề tài này có thể giúp chúng ta nắm rõ hơn về thị trường tiêu thụ của doanh nghiệp, đánh giá được hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, xem xét việc thực hiện hệ thống kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng ở doanh nghiệp như thế nào, việc hạch toán đó có khác so với những gì đã học được ở trường đại học hay không? Qua đó có thể rút ra được những ưu khuyết điểm của hệ thống kế toán đó, đồng thời đưa ra một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống kế toán về doanh thu, chi phí

và xác định kết quả kinh doanh để hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng có hiệu quả.

1.3. Phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro
- Nội dung nghiên cứu thuộc kế toán tài chính
- Đề tài được thực hiện tại Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro
- Số liệu được lấy từ kết quả kinh doanh năm 2025.

1.4. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung đề tài gồm 3 phần sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro

Chương 3: Nhận xét và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro

Mặc dù đã rất cố gắng song vì bản thân chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế và chỉ thực tập tại doanh nghiệp thời gian có hạn nên đề tài chắc chắn không tránh khỏi những khiếm khuyết. Vì vậy, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp để hoàn thiện hơn chuyên đề của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

(Nội dung này được viết theo thông tư 133/2016/TT-BTC).

1.1. Kế toán doanh thu và thu nhập

1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Khái niệm

❖ *Doanh thu*

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động bán hàng hóa, sản phẩm, bất động sản đầu tư, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

$\text{Doanh thu} = (\text{Số lượng hàng hóa, sản phẩm tiêu thụ trong kỳ}) \times \text{Đơn giá}$

❖ *Chi phí*

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

❖ *Kết quả hoạt động kinh doanh*

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là sự chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và chi phí phát sinh từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Xác định kết quả kinh doanh là xác định kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp như hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

b) Điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa.

- Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp DV đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c) Các phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ *Phương thức bán hàng trực tiếp*

Theo hình thức này, bên mua cử đại diện đến kho hoặc các phân xưởng của doanh nghiệp để nhận hàng. Doanh nghiệp xuất kho hàng hoá giao trực tiếp cho đại diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hoá được xác định là tiêu thụ.

❖ *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng*

Theo hình thức này, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết hoặc theo đơn đặt hàng, doanh nghiệp xuất kho hàng hoá, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó bên mua quy định trong hợp đồng. Hàng hoá chuyển bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi nào được bên mua kiểm nhận, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao mới được coi là tiêu thụ, người bán mất quyền sở hữu về số hàng đã giao. Chi phí vận chuyển do doanh nghiệp chịu hay bên mua chịu là do sự thoả thuận từ trước giữa hai bên. Nếu doanh nghiệp chịu chi phí vận chuyển, sẽ được ghi vào chi phí bán hàng. Nếu bên mua chịu chi phí vận chuyển, sẽ phải thu tiền của bên mua.

❖ *Phương thức bán hàng thông qua đại lý*

Gửi đại lý bán hay ký gửi hàng hoá là hình thức bán hàng mà trong đó doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý, ký gửi để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Bên nhận làm đại lý, ký gửi sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển giao cho các cơ sở đại lý, ký gửi vẫn thuộc quyền sở hữu của

doanh nghiệp cho đến khi doanh nghiệp được cơ sở đại lý, ký gửi thanh toán tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc thông báo về số hàng đã bán được, doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu về số hàng này.

❖ *Phương thức bán hàng trả chậm trả góp*

Là khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán trả tiền ngay, khách hàng chỉ thanh toán một phần tiền mua hàng để nhận hàng và phần còn lại trả dần trong một thời gian và chịu khoản lãi theo quy định trong hợp đồng. Khoản lãi do trả chậm, trả góp sẽ hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính,...

d) Chứng từ sử dụng

Chứng từ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng bao gồm:

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ)
- Hóa đơn bán hàng (đối với doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp)
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu, giấy báo có
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ bán hàng

e) Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC, Tài khoản sử dụng để hạch toán doanh thu bán hàng: **Tài khoản 511** - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có 4 tài khoản cấp 2:

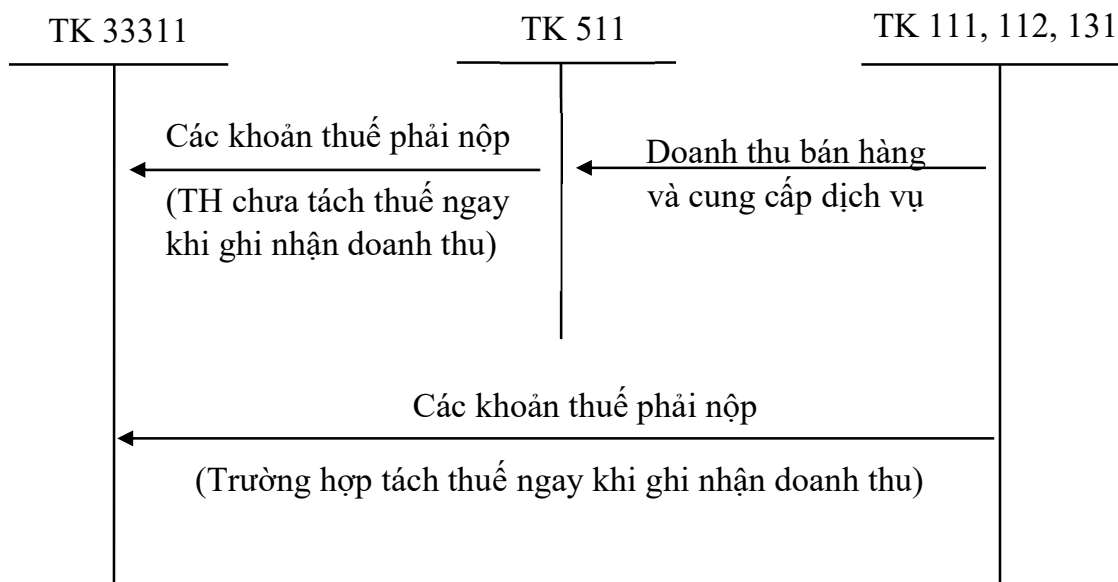
- TK 5111 – “Doanh thu bán hàng hóa”
- TK 5112 – “Doanh thu bán thành phẩm”
- TK 5113 – “Doanh thu cung cấp dịch vụ”
- TK 5118 – “Doanh thu khác”

❖ **Kết cấu tài khoản 511:**

Nợ	TK 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT) - Các khoản giảm trừ doanh thu - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911” Xác định kết quả kinh doanh.”	X	- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán
Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ		

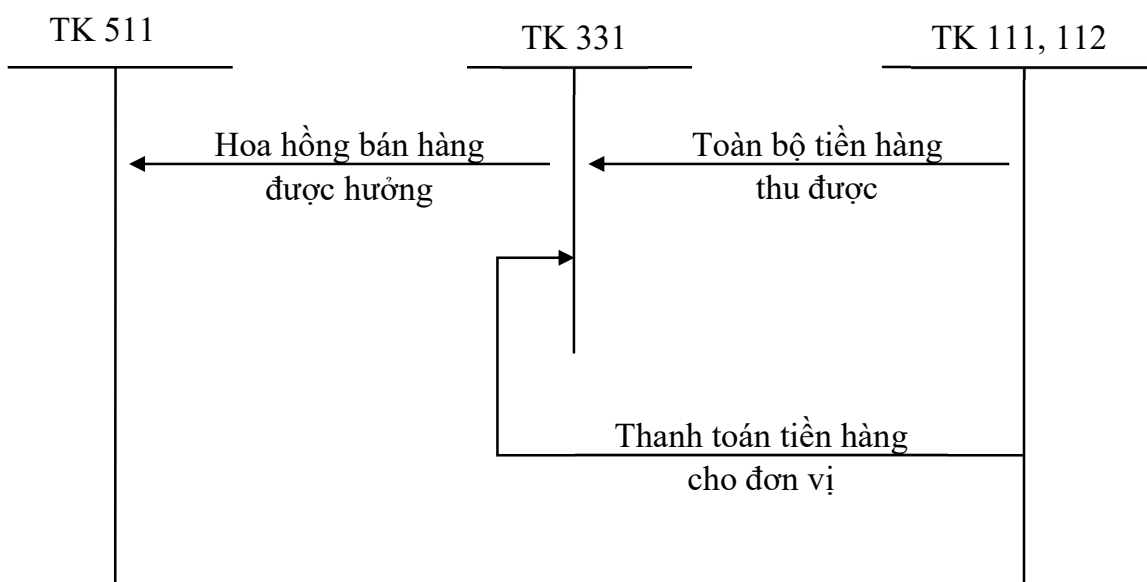
Phương pháp hạch toán

- ❖ Trường hợp 1: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp



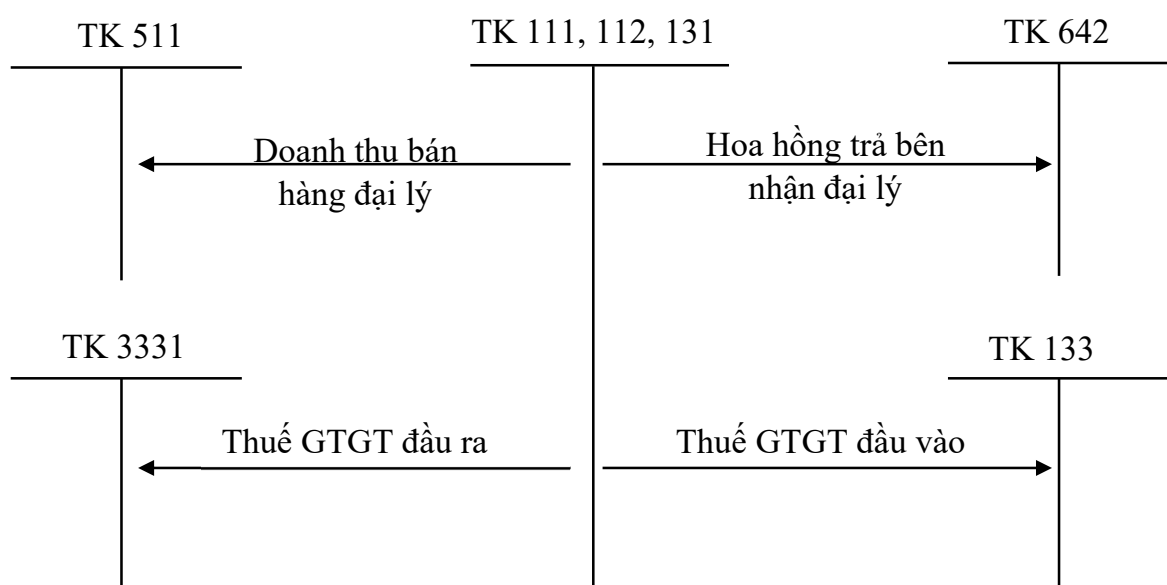
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp

- ❖ Trường hợp 2: Kế toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên nhận đại lý)



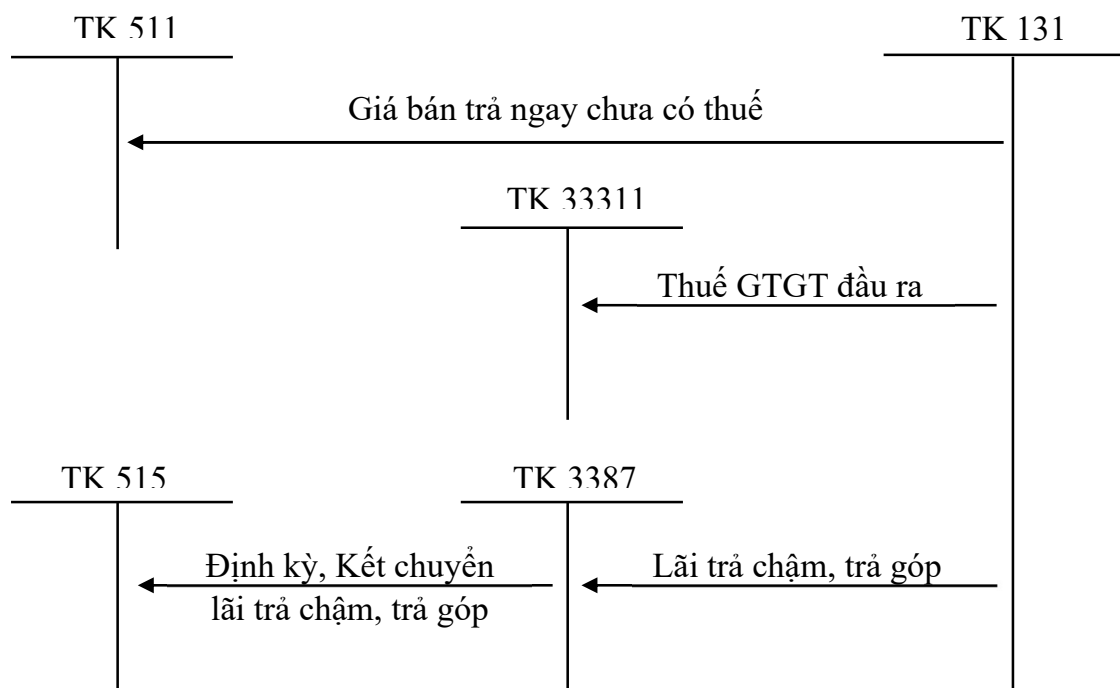
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên nhận đại lý)

❖ Trường hợp 3: Kế toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên giao hàng đại lý)



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên giao hàng đại lý)

❖ Trường hợp 4: Kế toán doanh thu theo phương thức bán hàng trả góp, trả chậm



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hàng bán trả góp, trả chậm

1.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a) Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- *Chiết khấu thương mại:* Là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên các hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.
- *Giảm giá hàng bán:* Giảm giá hàng bán là số tiền giảm trừ cho khách hàng trên giá bán đã thỏa thuận do nguyên nhân thuộc về người bán như kém chất lượng, không đúng quy cách, lỗi thời, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...
- *Hàng bán bị trả lại:* Hàng bán bị trả lại là giá trị của số thành phẩm, hàng hóa đã xác định tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng kém chất lượng, hàng không đúng kỹ thuật, sai chủng loại. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần hàng), và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

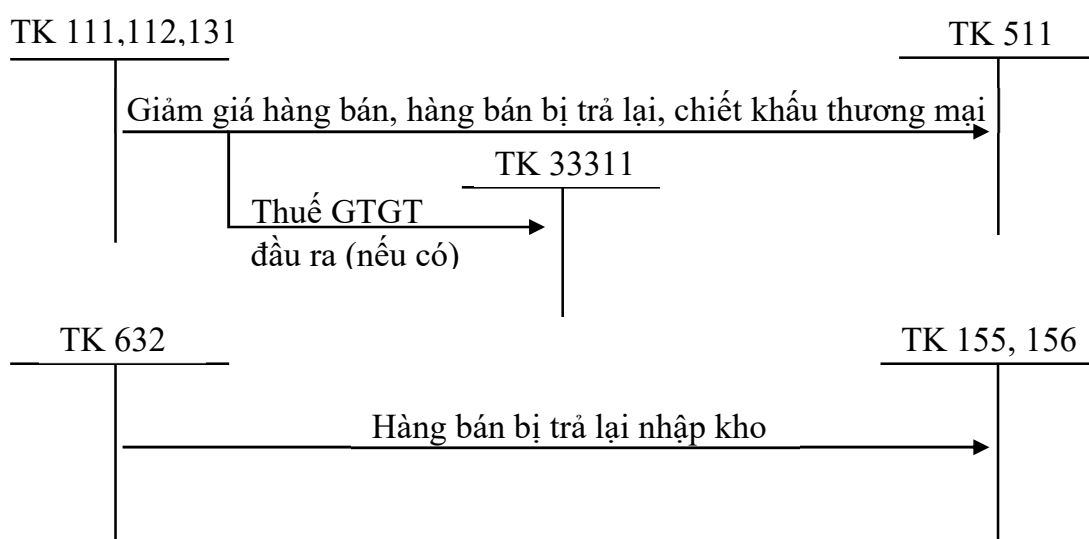
b) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế, biên bản chiết khấu thương mại
- Chứng từ thanh toán
- Biên bản giảm giá hàng bán
- Biên bản trả lại hàng hóa
- Hóa đơn điều chỉnh hàng bán bị trả lại

c) Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC: Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ có hiệu lực từ 01/01/2017 các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại được hạch toán trực tiếp vào bên Nợ tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

d) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a) Khái niệm

Doanh thu hoạt động tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, DV;...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

b) Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có.
- Phiếu thu.
- Các chứng từ kế toán liên quan khác.

c) Tài khoản sử dụng

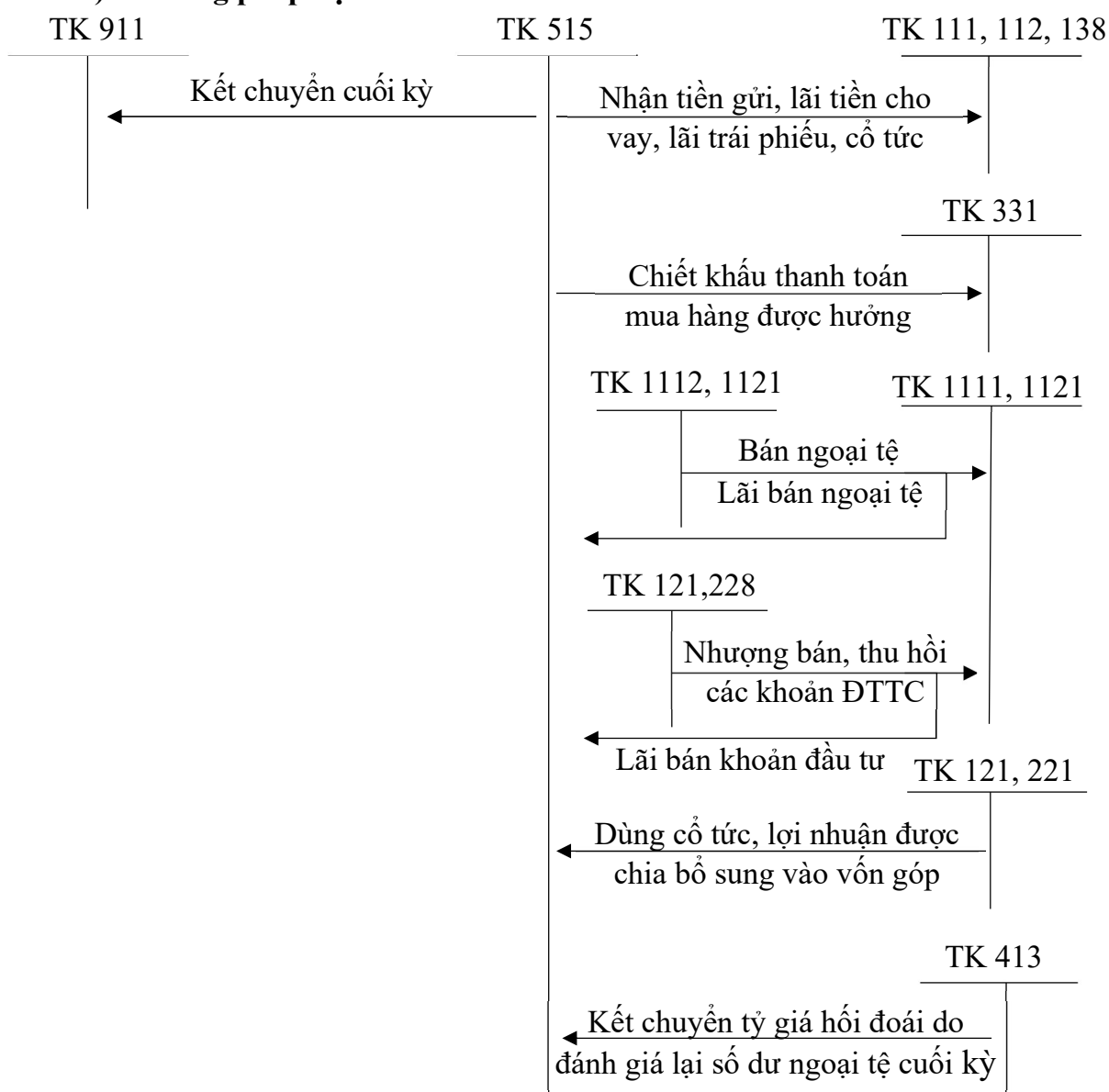
Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, lãi chứng khoán, lãi tiền gửi, lãi cho vay, tiền lãi trả chậm, cho thuê tài sản... tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ **Kết cấu và nội dung phản ánh TK 515:**

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

d) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.1.4. Kế toán thu nhập khác

a) Khái niệm

Thu nhập khác là khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng. Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, khoản nợ phải trả không xác định được chủ. Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp,...

b) Chứng từ sử dụng

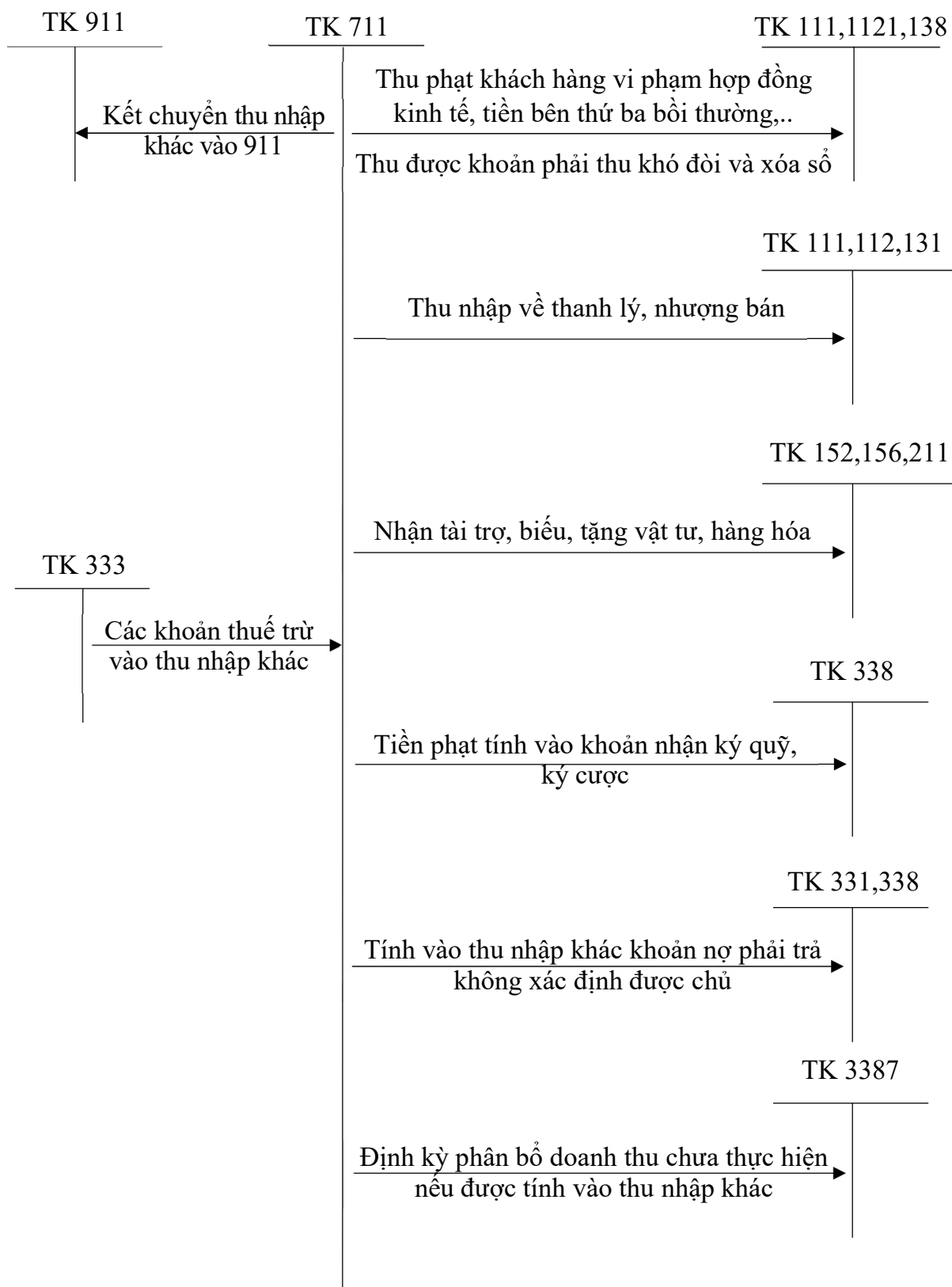
- Hóa đơn,...
- Biên bản bàn giao, biên bản thanh lý tài sản cố định
- Hợp đồng, quyết định, hóa đơn thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

c) Tài khoản sử dụng

Theo Điều 65 Thông tư 133/2016/TT-BTC: **Tài khoản 711 “Thu nhập khác”**: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

❖ Kết cấu tài khoản		
Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		
Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ		

d) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.2. Kế toán chi phí

1.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a) Khái niệm

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC: “Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư”.

b) Các phương pháp tính giá xuất kho

Tùy theo từng đặc điểm hoạt động tổ chức kinh doanh của mình, tùy đặc điểm hàng hóa mà các doanh nghiệp có thể áp dụng một trong 3 phương pháp sau:

❖ *Xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước. (FIFO)*

Với phương pháp này thì lô hàng nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Do vậy hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào trong kỳ. Việc tính giá mua của hàng xuất kho theo phương pháp này có ưu điểm là giá mua của hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo.

❖ *Xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền*

Theo phương pháp bình quân, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

• *Phương pháp bình quân cuối kỳ.*

Đơn giá bình quân cho từng mặt hàng được xác định theo công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	=	Giá trị thực tế hàng i tồn đầu kỳ	+	Giá trị thực tế hàng i nhập trong kỳ
		Số lượng hàng i tồn đầu kỳ		Số lượng hàng i nhập trong kỳ

Giá trị thực tế hàng i xuất dùng	=	Số lượng mặt hàng i tồn kho xuất dùng	x	Đơn giá thực tế bình quân của hàng tồn kho loại i
-------------------------------------	---	--	---	--

• *Phương pháp bình quân thời điểm.*

Sau mỗi lần nhập kho thì kế toán phải tiến hành xác định lại đơn giá bình quân mới nhất.

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho sau lần nhập thứ n	=	$\frac{\text{Giá trị thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Giá trị thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n}}{\text{Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n}}$
---	---	---

Giá thực tế mặt hàng i xuất kho	=	Số lượng mặt hàng i xuất dùng	X	Đơn giá thực tế của hàng i sau lần nhập t
---------------------------------	---	-------------------------------	---	---

❖ *Xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh.*

Theo phương pháp này hàng xuất kho thuộc lô nào thì lấy đúng đơn giá mua của lô hàng đó để tính giá mua của hàng xuất kho. Áp dụng phương pháp này trong trường hợp kế toán nhận diện được từng lô hàng, từng loại hàng tồn kho, từng lần mua vào và đơn giá theo từng hóa đơn của chúng. Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp hàng tồn kho có giá trị lớn, số lần nhập, xuất ít.

c) Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho.
- Bảng tổng hợp nhập xuất tồn.
- Các chứng từ khác có liên quan.

d) Tài khoản sử dụng

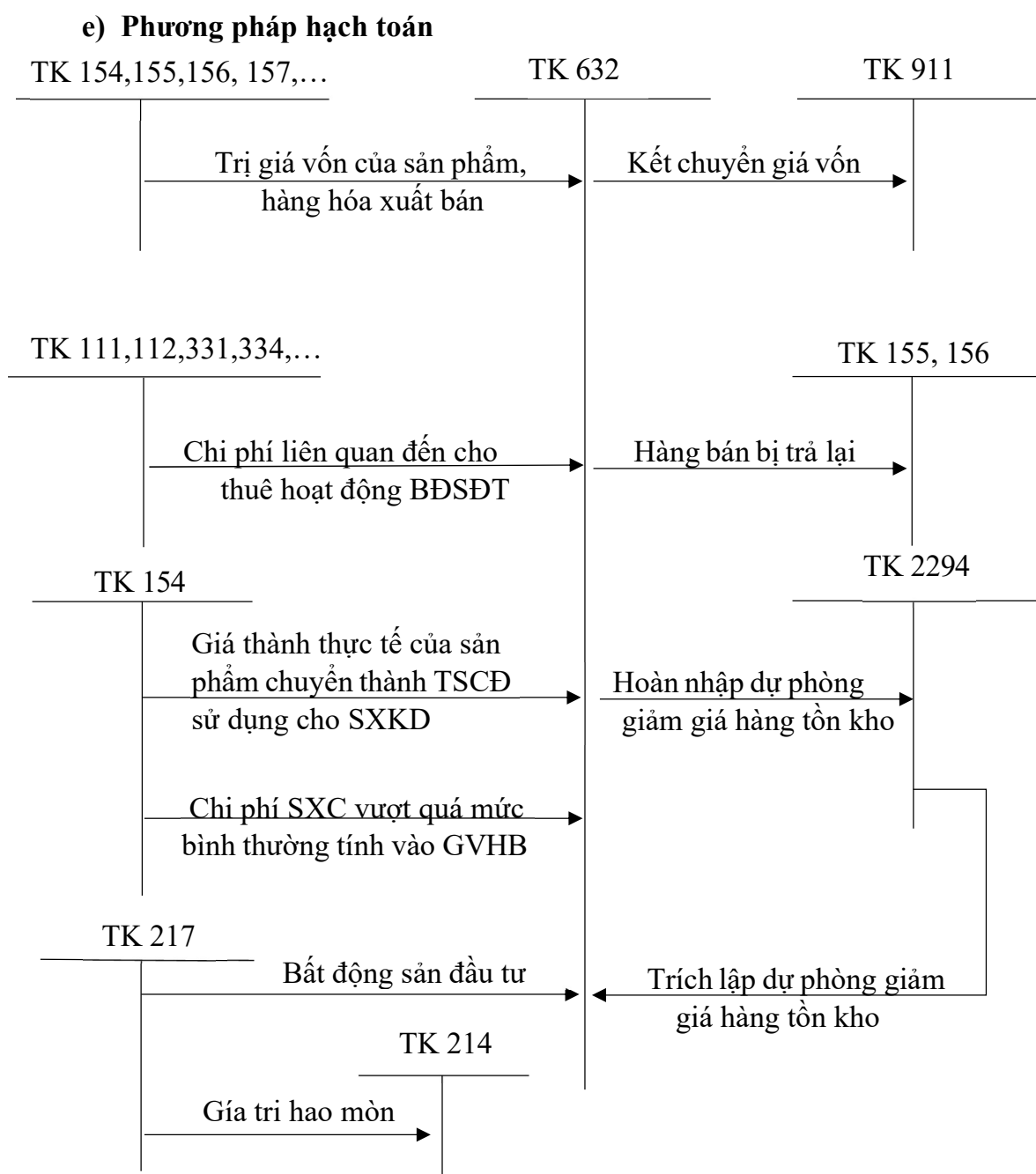
Tài khoản 632-“ Giá vốn hàng bán”: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ. Phản ánh khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát,...

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước) - Trị giá hàng bán bị trả lại - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.



Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

1.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

a) Khái niệm

Tài khoản 642 dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng là khoản chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hóa. Bao gồm các khoản: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, hoa hồng bán hàng, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản,...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của doanh nghiệp. Bao gồm: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên quản lý doanh nghiệp, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản, tiền thuê đất, phí môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài,...

b) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn (ăn uống, tiếp khách,...)
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán lương, bảng chấm công
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định
- Thông báo nộp BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD,...

c) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 - “Chi phí quản lý kinh doanh” dùng để phản ánh các khoản chi phí kinh doanh như chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

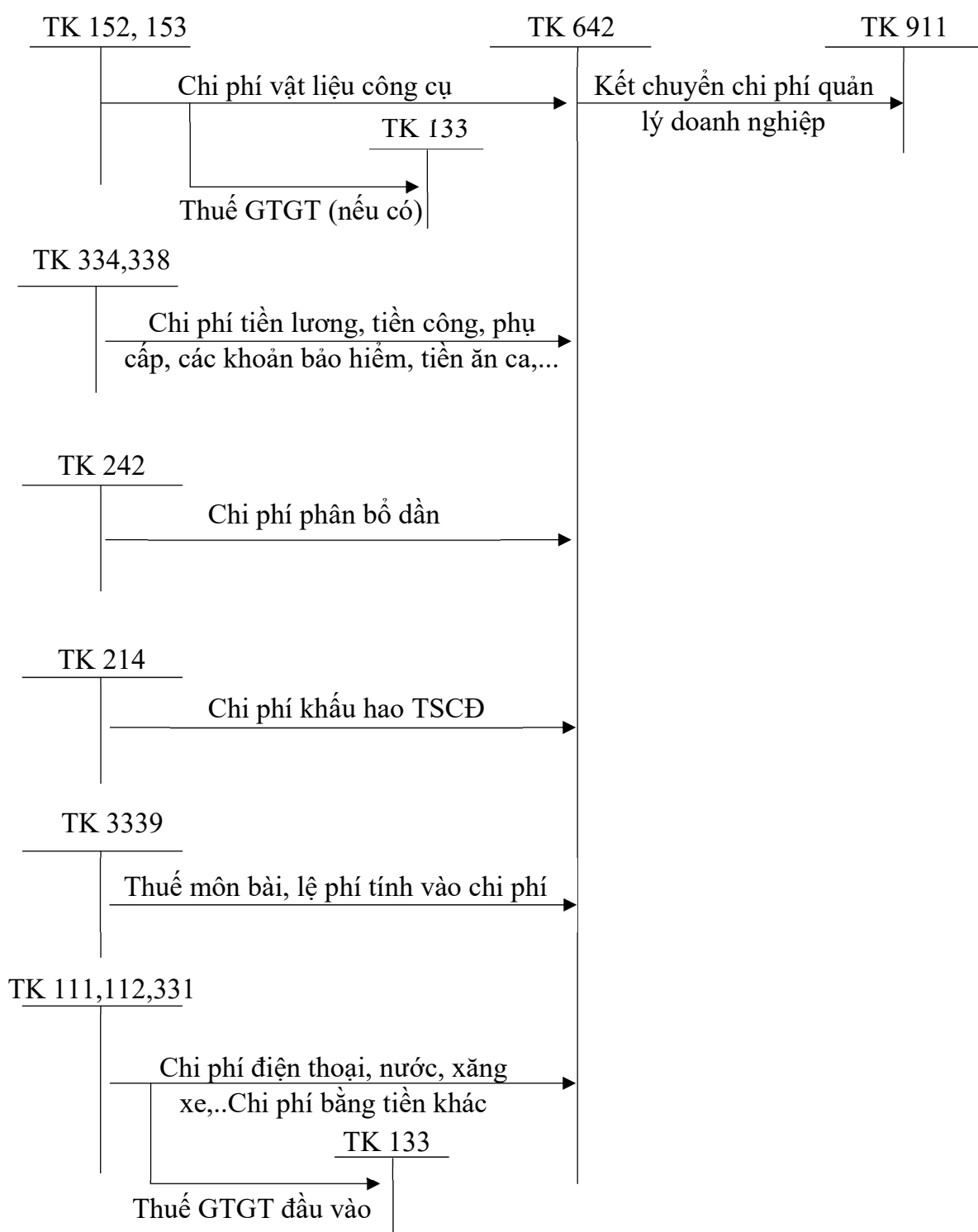
- Tài khoản 6421 – “Chi phí bán hàng”
- Tài khoản 6422 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

❖ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
	X	

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

d) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3. Kế toán chi phí tài chính

a) Khái niệm

Chi phí tài chính là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp

nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập. Chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi, thuê tài sản tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán. Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; lỗ bán ngoại tệ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;
- Các khoản chi phí tài chính khác

b) Chứng từ sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nợ.
- Phiếu chi.
- Sổ tiền vay Ngân hàng
- Các chứng từ khác liên quan.

c) Tài khoản sử dụng

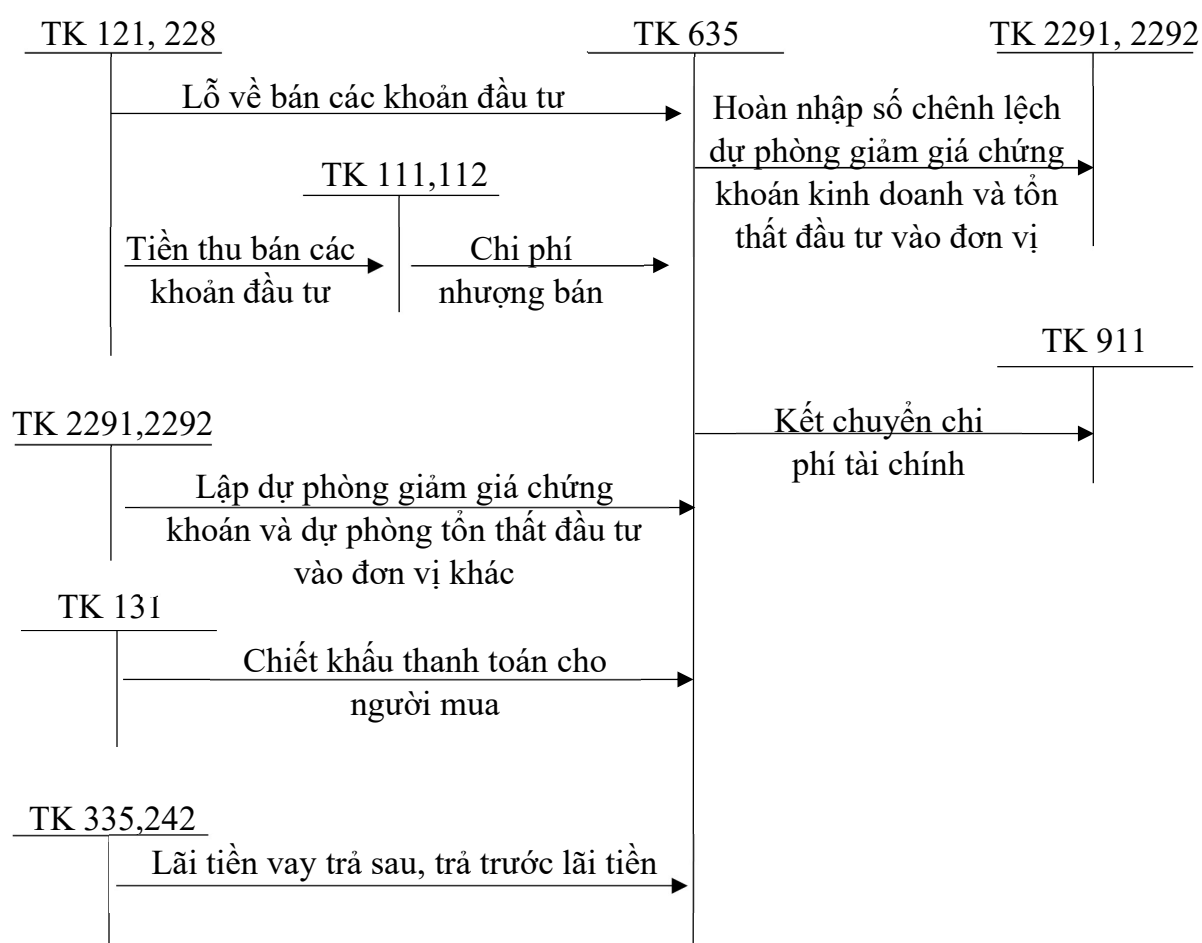
Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ. - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.


Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

d) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.2.4. Kế toán chi phí khác

a) Khái niệm

Các khoản chi phí khác bao gồm: “Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.”

- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác.
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính. Các khoản chi phí khác.
- Các khoản chi phí không được coi là chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

b) Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ.
- Phiếu chi.
- Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước
- Các chứng từ liên quan khác.

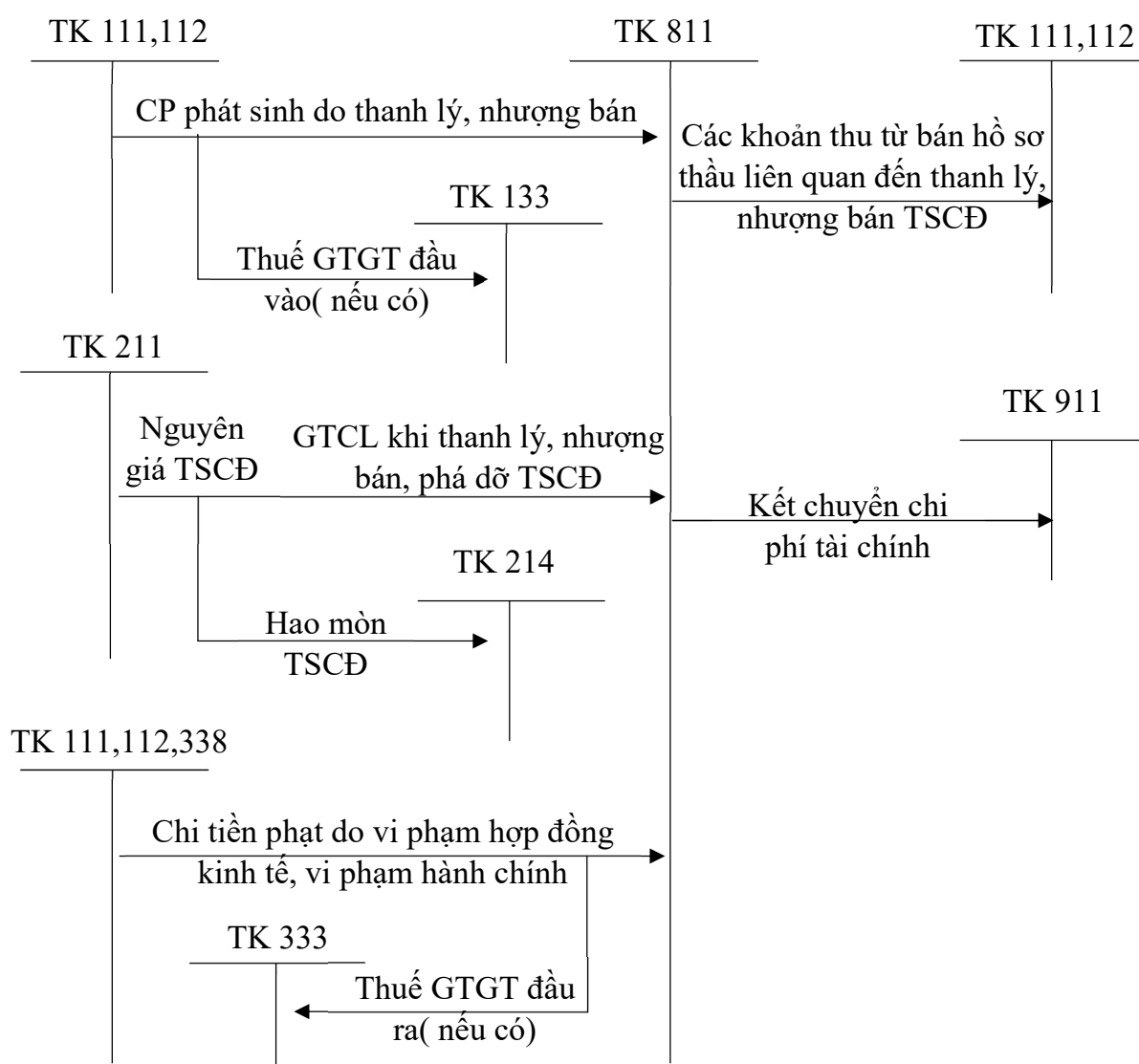
c) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 “Chi phí khác”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động, ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh chính tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

❖ Kết cấu tài khoản:	
Nợ	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh.”

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

d) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

a) Khái niệm

- Thuế TNDN là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ sau khi đã trừ các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Thu nhập tính thuế trong kỳ} \times \text{Thuế suất}$$

Cách xác định thu nhập tính thuế và thu nhập chịu thuế:

– Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - (Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước)

– Thu nhập chịu thuế = Doanh thu - Chi phí được trừ + Các khoản thu nhập khác

b) Chứng từ sử dụng

– Giấy báo nợ

– Báo cáo kết quả HĐKD theo mẫu 03-1A/TNDN

– Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

c) Tài khoản sử dụng

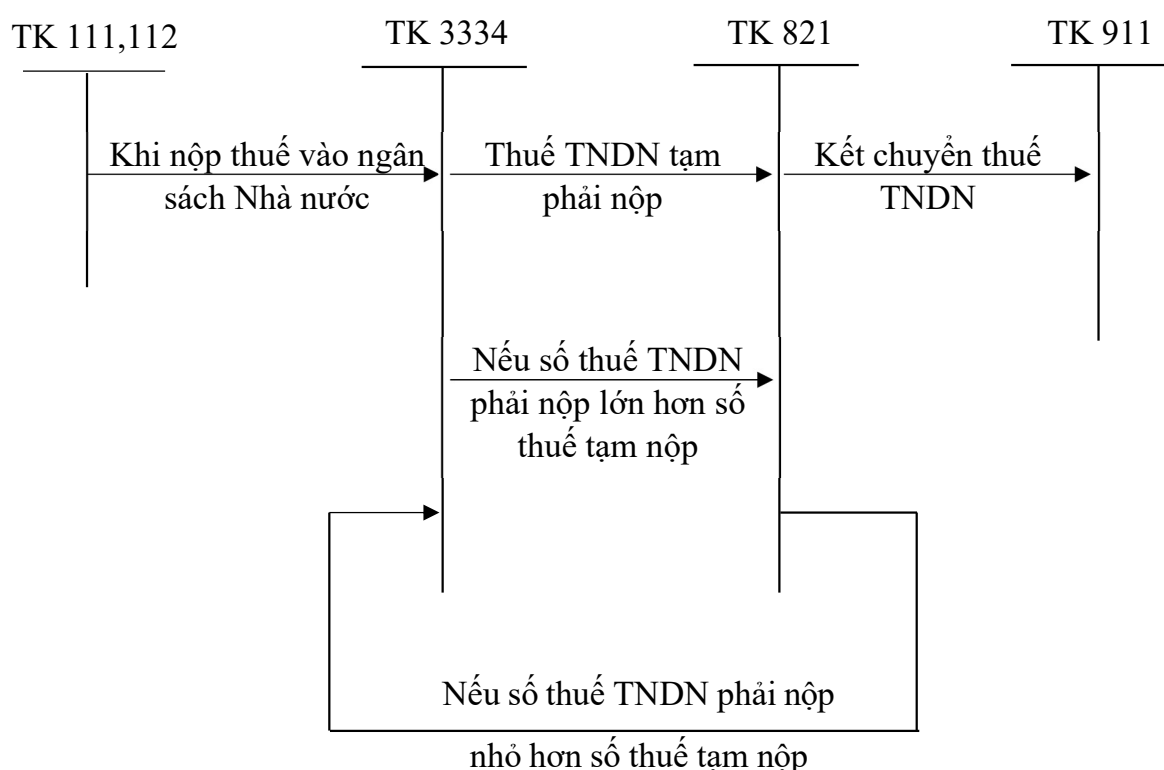
Tài khoản 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” : Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm; - Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

d) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

a) Khái niệm

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

❖ *Theo thông tư 133/2026/TT-BTC: Các công thức tính lợi nhuận:*

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán
- Lợi nhuận thuần từ HĐKD = Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính – Chi phí quản lý kinh doanh
- Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác
- Lợi nhuận sau thuế TNDN = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN

b) Tài khoản sử dụng

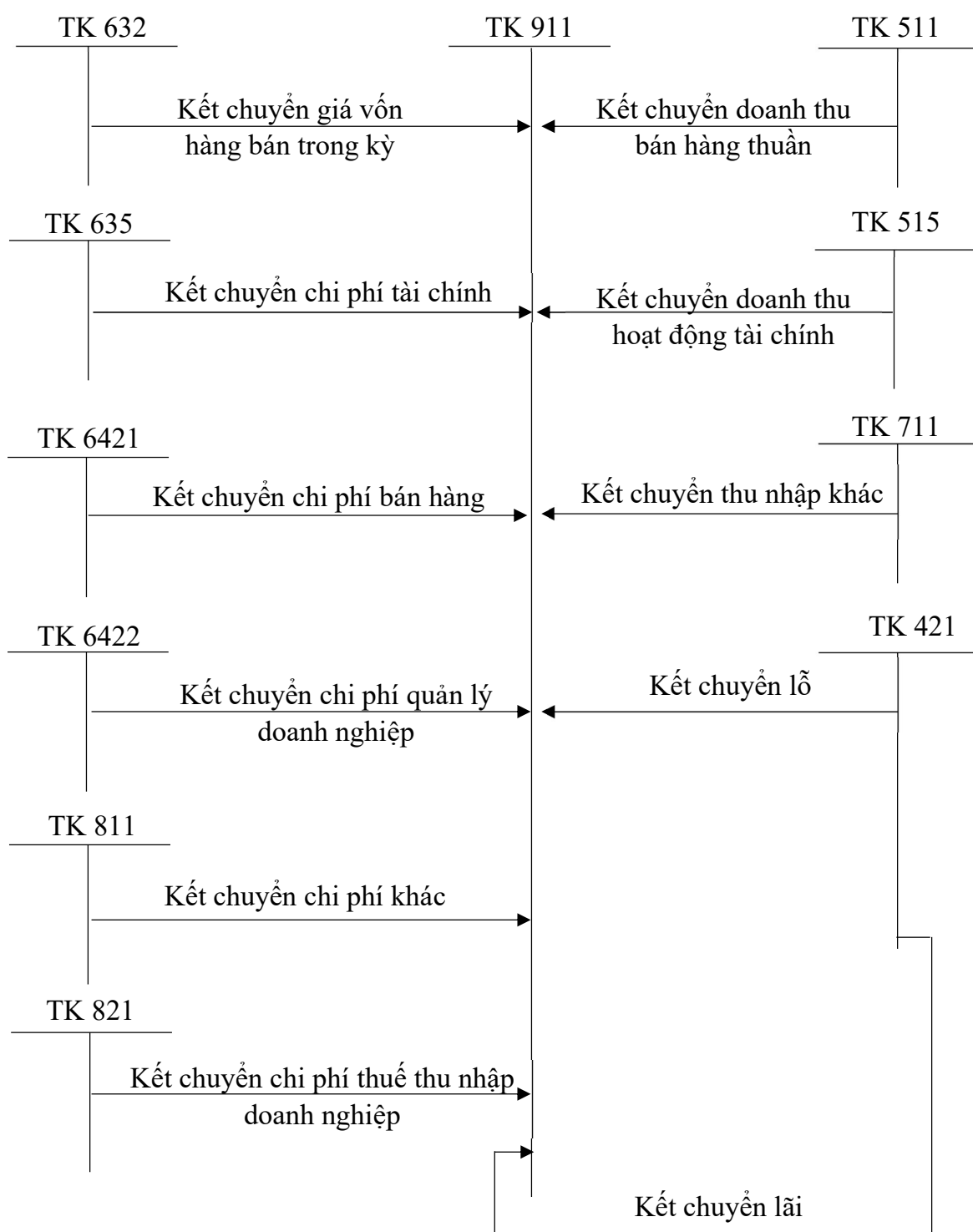
Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”: Tài khoản này dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác - Chi phí quản lý kinh doanh - Kết chuyển lãi.	X	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

c) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán Xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO

2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro

2.1.1. Khái quát về Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro

- Tên công ty: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO**
- Tên quốc tế: **H.PRO PRODUCTION TRADING COMPANY LIMITED**
- Tên viết tắt: **H.PRO**
- Mã số thuế: 0400520349
- Địa chỉ: 149 Phạm Tứ, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Người đại diện: Ông Nguyễn Quốc Việt
- Điện thoại: 02363719986
- Ngày hoạt động: 16/12/2005
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng)
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài Nhà nước
- Ngành nghề chính: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
- Chi tiết: Bán sơn PU,NC, dung môi, tinh màu.

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro thành lập tháng 12 năm 2005, theo luật Công ty và luật Doanh nghiệp tư nhân. Trụ sở giao dịch tại 149 Phạm Tứ, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Ngay từ những ngày đầu khi mới được thành lập Công ty đã gặp không ít khó khăn do sự chuyển đổi cơ chế và tính cạnh tranh khốc liệt của thị trường. Mặt khác, Công ty thuộc loại hình doanh nghiệp nhỏ, lại mới thành lập, vốn đầu tư ít, phạm vi kinh doanh hẹp nên khó khăn càng chồng khó khăn. Nhưng với chủ trương đường lối đúng đắn, đề ra mục đích phát triển, cùng với sự nỗ lực, sự lãnh đạo sáng suốt của Ban Giám Đốc và tinh thần làm việc hết mình của đội ngũ cán bộ công nhân viên, Công ty đã vượt qua giai đoạn khó khăn ban đầu và gặt hái được nhiều thành quả to lớn và công ty đã dần bắt kịp trình độ phát triển kinh tế của đất nước, từng bước khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Doanh thu và lợi nhuận không ngừng tăng lên, đời sống cán bộ, công nhân viên ngày càng được cải thiện.

2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty

- a) *Chức năng:*

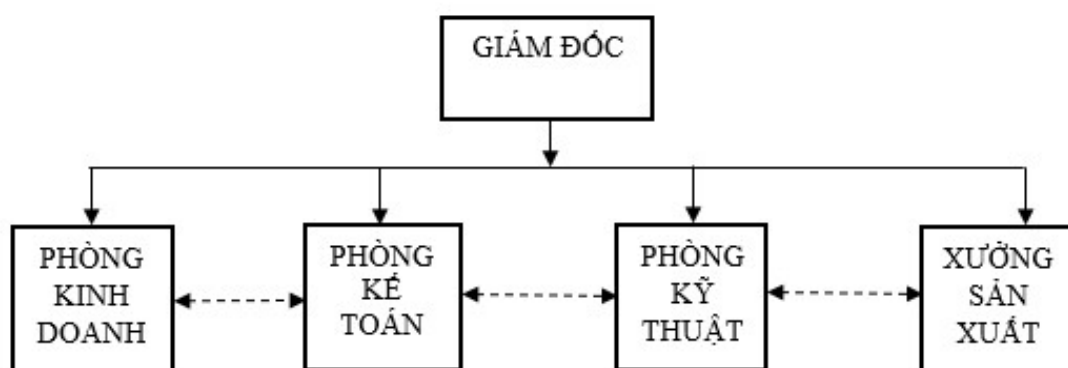
Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty phù hợp với mục tiêu chiến lược, nhiệm vụ mà công ty đã đưa ra. Phân bổ và điều chỉnh nguồn lực để đảm bảo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

b) *Nhiệm vụ:*

- Công ty TNHH Thương mại & sản xuất H.Pro hoạt động kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ của mình, có con dấu riêng và được pháp luật bảo vệ.
- Thực hiện kinh doanh theo đúng các ngành nghề đã đăng ký trong Giấy phép đăng ký kinh doanh.
- Tuân thủ chính sách, chế độ pháp luật của Nhà nước về quản lý quá trình thực hiện sản xuất, kinh doanh và tuân thủ những quy định trong các hợp đồng kinh tế với các đối tác.
- Quản lý và sử dụng vốn đúng quy định. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện những quy định của Nhà nước về bảo vệ quyền lợi người lao động, người tiêu dùng, đảm bảo phát triển bền vững, thực hiện đúng các quy định có liên quan tới hoạt động của Công ty.
- Mở rộng các mối quan hệ, phát triển thị trường, nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu, mục tiêu, kế hoạch phát triển của công ty. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước, nâng cao đời sống cho thành viên góp vốn và người lao động.

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH TM & Sản xuất H.Pro

2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Ghi chú: Quan hệ trực tiếp —————>
 Quan hệ phối hợp <----->

2.1.4.2. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban

❖ *Phòng Giám đốc:*

Là người lãnh đạo cao nhất của Công ty và cũng là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty, định hướng kế hoạch và chiến lược phát triển cho Công ty. Là người đại diện cho mọi quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty trước pháp luật.

❖ *Phòng kinh doanh:*

Phát triển chiến lược bán hàng, marketing để tăng doanh thu cho Công ty. Có nhiệm vụ tìm kiếm khách hàng mới, duy trì mối quan hệ với khách hàng hiện tại và đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị để quảng bá sản phẩm và dịch vụ. Quản lý đội ngũ bán hàng, đánh giá hiệu quả công việc và đề xuất các giải pháp để tăng trưởng doanh thu.

❖ *Phòng kế toán:*

Kiểm soát tình hình tài chính của Công ty. Thực hiện công việc tính toán, ghi chép chính xác đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đối chiếu số liệu nhập xuất tồn của hàng hóa, quản lý thu chi, theo dõi hợp đồng kinh tế, theo dõi công nợ phải thu phải trả, xử lý những sai sót trong quá trình kinh doanh. Báo cáo cho Ban Giám đốc kết quả kinh doanh cuối mỗi tháng, quý và năm. Xử lý những khiếu nại và chứng từ, lập tất cả các phiếu, bảng kê nội bộ. Lập các loại tờ khai thuế, báo cáo tài chính nộp cơ quan thuế. Có nhiệm vụ giải trình những thắc mắc của cơ quan chức năng khi có yêu cầu.

❖ *Phòng kỹ thuật:*

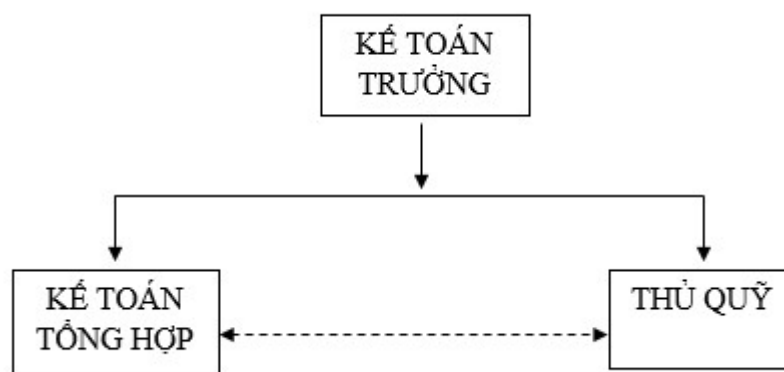
Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm, dịch vụ của công ty. Cải tiến công nghệ, quy trình sản xuất và đảm bảo chất lượng sản phẩm. Chịu trách nhiệm bảo trì, sửa chữa các thiết bị, hệ thống kỹ thuật của Công ty và hỗ trợ các phòng ban khác khi có vấn đề kỹ thuật phát sinh.

❖ *Xưởng sản xuất:*

Quản lý sử dụng trang thiết bị, tổ chức sản xuất, an toàn lao động. Nhận đơn đặt hàng từ bộ phận kinh doanh, phân tích số liệu, lập kế hoạch, lịch trình sản xuất. Quản lý sản xuất, phát hiện, đánh giá, khắc phục các lỗi sản phẩm hàng hóa. Vận hành thiết bị, máy móc, làm việc trên dây chuyền lắp ráp.

2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH TM & Sản xuất H.Pro

2.1.5.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán Công ty



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Ghi chú: Quan hệ trực tiếp —→
Quan hệ phối hợp <----->

2.1.5.2. Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận

❖ *Kế toán trưởng:*

Là người đứng đầu bộ máy kế toán của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán tài chính. Quản lý chung bộ phận kế toán, đảm bảo tính hợp pháp của sổ sách kế toán. Giám sát việc quyết toán và lập báo cáo tài chính. Đồng thời phân tích và dự báo nguồn tài chính.

❖ *Kế toán tổng hợp:*

Thu thập, kiểm tra, xử lý thông tin kế toán, các chứng từ kế toán hay các nghiệp vụ khác phát sinh. Hạch toán chi phí, doanh thu, khấu hao,... theo dõi và quản lý công nợ. Giám sát việc luân chuyển hàng hóa trong kho. Hạch toán lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và kiểm tra việc lập bảng kê hóa đơn GTGT đầu vào, đầu ra, thuế TNCN. Lập các báo cáo tài chính, báo cáo thuế và đảm bảo tuân thủ các quy định về kế toán.

❖ *Thủ quỹ:*

Mở sổ theo dõi tiền mặt, theo dõi thu chi. Đối chiếu tồn quỹ với sổ sách kế toán mỗi ngày. Kiểm tra và cất giữ tiền để không bị thất thoát. Thủ quỹ có nhiệm vụ là thu và chi tiền, mọi khoản thu và chi đều phải thông báo qua Giám đốc hoặc kế toán trưởng.

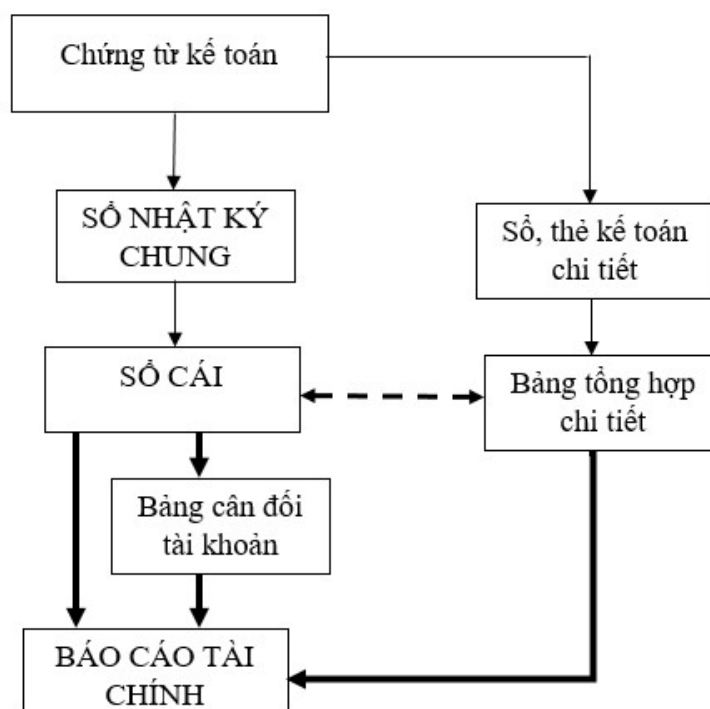
2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại Công ty

Công ty sử dụng phần mềm kế toán Việt Đà và hình thức sổ Nhật ký chung hoàn toàn phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo dõi nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



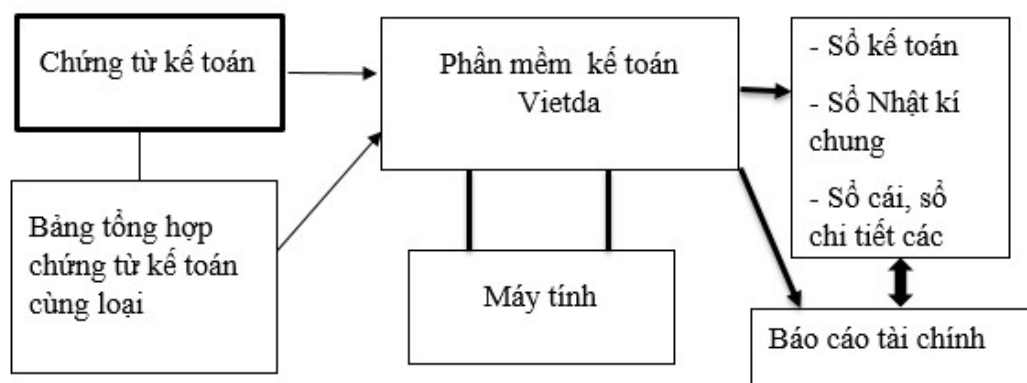
Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ kế toán của công ty

Ghi chú: Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ $\longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu kiểm tra $\longleftrightarrow$

❖ **Trình tự ghi sổ trên phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung:**



Sơ đồ 2.4: Hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên phần mềm kế toán Việt Đà

Chú thích: Nhập số liệu hàng ngày →
 In sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm →
 Đối chiếu kiểm tra ↔

Diễn giải:

Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra (như hóa đơn, hợp đồng, bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào không có hóa đơn...) được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp, đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối tài khoản. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.1.7. Chế độ kế toán và chính sách được áp dụng tại Công ty

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.

- Niên độ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kỳ kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)
- Phương pháp kê khai thuế GTGT: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro

2.2.1. Kế toán doanh thu và thu nhập

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng

a) Đặc điểm doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng ở đây là doanh thu thu được từ các hoạt động bán hàng hóa, sản phẩm trong kỳ của doanh nghiệp. Hàng hóa ở đây là sơn các loại, bán dung môi, tinh màu, sơn PU,NC, các nguyên liệu dùng trong xây dựng và nội thất,...

b) Phương thức bán hàng

Phương thức bán hàng trực tiếp: Bên mua đến trực tiếp tại cửa hàng để nhận hàng. Doanh nghiệp xuất kho giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho hay trực tiếp tại phân xưởng của doanh nghiệp. Việc áp dụng hình thức bán hàng trực tiếp giúp doanh nghiệp giảm được chi phí trung gian từ đó tăng hiệu quả kinh doanh và kiểm soát chặt chẽ việc tiêu thụ hàng hóa.

c) Phương thức thanh toán

Thanh toán bằng tiền mặt: Theo phương thức này, việc chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng và việc thu tiền được thực hiện đồng thời và người bán sẽ nhận được ngay số tiền mặt tương ứng với số hàng hoá mà mình đã bán.

Thanh toán qua ngân hàng: Ngân hàng đóng vai trò trung gian giữa doanh nghiệp và khách hàng, làm nhiệm vụ chuyển tiền từ tài khoản của người mua sang tài khoản của doanh nghiệp và ngược lại. Phương thức này có nhiều hình thức thanh toán như: Thanh toán bằng séc, thư tín dụng, thanh toán bù trừ, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi,...

d) Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ)
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ bán hàng

❖ Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511
- Sổ chi tiết TK 5111

e) Tài khoản kế toán sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC, Tài khoản sử dụng để hạch toán doanh thu bán hàng: **Tài khoản 511** - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Ở Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro chỉ có doanh thu từ việc bán hàng hóa như sơn, dung môi và hóa chất,... nên doanh nghiệp sử dụng chủ yếu là TK 5111 – Doanh thu bán hàng.

f) Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ

- Khi khách hàng đến cửa hàng mua sơn và dung môi, nhân viên sẽ báo giá và sau khi khách hàng xem xét và quyết định đặt hàng, nhân viên bán hàng xác nhận danh mục hàng hóa, số lượng và đơn giá mà khách hàng đã chọn. Bên bộ phận kế toán sẽ tiếp nhận đơn đặt hàng của khách hàng, đưa lên Giám Đốc phê duyệt.
- Sau khi 2 bên xem xét và ký duyệt. Kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho. Sau khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT bằng cách truy cập vào phần mềm hóa đơn điện tử EasyInvoice để xuất hóa đơn GTGT.

Stt	Số	Tên khách hàng	Mã KH	KH xem	Ngày tạo	Tổng tiền	Trạng thái	Người PH	Mã CQT	KQ CQT	Xem	Sửa	Xóa	Gửi mail	
1	259	CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG	4300889549	✓	28/10/2025	108.256.500	Đã phát hành	admin	00B05F578...	Hợp lệ					

Hình 2.1: Giao diện phần mềm hóa đơn điện tử EasyInvoice

- Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro xuất bán hàng cho công ty TNHH Trang trí Nội thất Sơn Minh Hưng 6.750kg Dung môi công nghiệp với đơn giá 14.850đồng/kg, giá bán chưa thuế là 100.237.500 đồng, thuế GTGT 8% là 8.019.000đồng. Tổng số tiền phải thu khách hàng là 108.256.500đồng.

- Sau khi phát hành cơ quan thuế đã gửi mã hóa đơn và số hóa đơn hoàn chỉnh như hóa đơn GTGT bên dưới:



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO
 Mã số thuế (Tax code): **0 4 0 0 5 2 0 3 4 9**
 Địa chỉ (Address): **149 Phạm Tử, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
 Điện thoại (Tel): **0236.3719.986** Fax: **0236.3719.986**
 Tài khoản (A/C number): **184403169** Mở tại Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng
439986 Mở tại ngân hàng Techcombank – Chi nhánh Đà Nẵng



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
 Ngày (Date) 28 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): **1C25THP**
 Số (No.): **259**

Họ tên người mua hàng (Buyer): _____
 Tên đơn vị (Company name): **CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG**
 Mã số thuế (Tax code): **4300889549**
 Địa chỉ (Address): **Thôn Tham Hội 2, Xã Đông Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam**
 Hình thức thanh toán (Payment method): **Tiền mặt/Chuyển khoản** Số tài khoản (A/C No.): _____

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Dung môi công nghiệp	kg	6.750	14.850	100.237.500
Cộng tiền hàng (Sub total) :					100.237.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	8.019.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					108.256.500
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một trăm lẻ tám triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm đồng y.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO

Ký ngày: 28 - 10 - 2025

Mã của cơ quan thuế (Tax authority code): **00B05F578D03A545DA81B3BB643DA3E369**
 Trang tra cứu: <http://0400520349hd.easyinvoice.vn> Mã tra cứu: **HBWOLKLUS**
 (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty cổ phần đầu tư công nghệ và thương mại SOFTDREAMS, MST: 0105987432, [Http://easyinvoice.vn/](http://easyinvoice.vn/)

Hình 2.2: Hóa đơn GTGT số 259

- Khi lập được tờ hóa đơn GTGT số 259, ký hiệu 1C25THP ngày 28/10/2025 thì kế toán tiếp tục nhập vào phần mềm kế toán Việt Đà.

Hình 2.3: Giao diện đăng nhập tài khoản Việt Đà

- Sau khi đăng nhập vào phần mềm -> Chọn phần Nhập xuất -> Chọn Hóa đơn bán và phiếu xuất kho -> Chọn và điền đầy đủ thông tin lên phần mềm, sau đó ấn “Lưu”. Phần mềm sẽ tự động hiển thị như ở bên dưới:

Hình 2.4: Giao diện chứng từ bán hàng

- Trong trường hợp này khách hàng chưa thanh toán, do đó kế toán sẽ không lập phiếu thu và ngay tại thời điểm đó thì phần mềm sẽ tự động nhập liệu vào 3 sổ: Sổ Nhật ký chung, Sổ Chi tiết, Sổ Cái.

- Để mở và kiểm tra thông tin đã hạch toán trên sổ **Nhật ký chung** thì kế toán cần thực hiện những thao tác: Nhấn chọn Tổng hợp -> Chọn Hình thức Nhật ký chung -> Chọn Nhật ký chung -> Chọn định kỳ “Quý” -> Nhấn xem

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO				Mẫu số S03a-DNN		
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	CG001/01	02/01/25	TT lãi vay Ngân Hàng TMCP Á Châu	34111A	1.675.371	
2	CG001/01	02/01/25	TT lãi vay Ngân Hàng TMCP Á Châu	1121A		1.675.371
...						
6257	XH1016/10	28/10/25	Xuất hàng - HĐ 00000259 CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG	131	100.237.500	
6258	XH1016/10	28/10/25	Xuất hàng - HĐ 00000259 CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG	5111		100.237.500
6259	XH1016/10	28/10/25	Thuế GTGT Xuất hàng - HĐ 00000259 CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG	131	8.019.000	
6260	XH1016/10	28/10/25	Thuế GTGT Xuất hàng - HĐ 00000259 CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG	33311		8.019.000
6261	XH1016/10	28/10/25	Xuất hàng - HĐ 00000259 CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG	632	97.200.000	
6262	XH1016/10	28/10/25	Xuất hàng - HĐ 00000259 CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG	156		97.200.000
...	...					
7806	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111	7.493.049.631	
7807	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	911		7.493.049.631
7808	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515	3.964	
7809	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911		3.964
7810	KC003/12	31/12/25	K.c Thu nhập khác	711	75.946	
7811	KC003/12	31/12/25	K.c Thu nhập khác	911		75.946
7812	KC004/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	911	7.290.761.165	
7813	KC004/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	632		7.290.761.165
7814	KC005/12	31/12/25	K.c Chi phí tài chính	911	88.798.435	
7815	KC005/12	31/12/25	K.c Chi phí tài chính	635		88.798.435
7816	KC006/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	112.407.150	
7817	KC006/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		112.407.150
7818	KC007/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	911	1.162.791	
7819	KC007/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212		1.162.791
Tổng cộng số phát sinh					567.665.525.581	567.665.525.581
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập biểu				Kế toán trưởng		
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.1: Sổ Nhật ký chung (Trích sổ nhật ký chung)

- Để mở và kiểm tra thông tin đã hạch toán trên **Sổ Chi tiết** thì kế toán cần thực hiện những thao tác: Ấn chọn Tổng hợp → Chọn Sổ chi tiết tài khoản → Ấn chọn định kỳ “Quý” → Chọn Tài khoản 5111 → Ấn xem.

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 5111 (Doanh thu bán hàng hoá)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	XH1001/01	07/01	Xuất hàng - HD 00000001 (Công ty TNHH Hoso Việt Nam)	131		2.290.909		2.290.909
2	XH1002/01	08/01	Xuất hàng - HD 00000002 (Công Ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hoà Cường)	131		17.600.500		19.891.409
3	XH1003/01	08/01	Xuất hàng - HD 00000003 (CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC - NỘI THẤT E & I)	131		4.560.000		24.451.409
...		..						
263	XH1016/10	28/10	Xuất hàng - HD 00000259 (CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HÙNG)	131		100.237.500		2.479.645.341
264	XH1019/10	28/10	Xuất hàng - HD 00000257 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÙNG PHÁT NGHỆ AN)	131		8.250.000		2.487.895.341
...								
343	XH1057/12	31/12	Xuất hàng - HD 00000336 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SÔNG VIỆT)	131		27.777.778		7.442.452.409
344	XH1058/12	31/12	Xuất hàng - HD 00000337 (CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI NHÀ BẠN)	131		46.296.296		7.488.748.705
345	XH1059/12	31/12	Xuất hàng - HD 00000338 (CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NỘI THẤT ĐỨC TỬ)	131		4.300.926		7.493.049.631
346	KC001/12	31/12	K.c doanh thu bán hàng hoá	911	7.493.049.631			
Cộng phát sinh tháng 12					7.493.049.631	7.493.049.631		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					11.295.879.796	11.295.879.796		
Cộng lũy kế từ đầu năm					45.175.709.056	45.175.709.056		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.2: Sổ Chi tiết TK 5111 (Trích sổ chi tiết 5111)

- Để mở và kiểm tra thông tin đã hạch toán trên **SỔ CÁI** thì kế toán cần thực hiện những thao tác: Vào phần mềm -> Chọn Tổng hợp -> Chọn Hình thức Nhật ký chung -> Ấn chọn Sổ cái -> Chọn định kỳ “Quý” -> Chọn Tài khoản 511 -> Ấn xem

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 511 (Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ)						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	XH1001/01	07/01	Xuất hàng - HĐ 00000001 (Công ty TNHH Hoso Việt Nam)	131		2.290.909
2	XH1002/01	08/01	Xuất hàng - HĐ 00000002 (Công Ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hoà Cường)	131		17.600.500
....						
262	XH1018/10	24/10	Xuất hàng - HĐ 00000256 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MAI PHƯỚC TIẾN)	131		27.777.785
263	XH1016/10	28/10	Xuất hàng - HĐ 00000259 (CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HÙNG)	131		100.237.500
264	XH1019/10	28/10	Xuất hàng - HĐ 00000257 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÙNG PHÁT NGHỆ AN)	131		8.250.000
265	XH1020/10	28/10	Xuất hàng - HĐ 00000258 (Công ty TNHH Hoso Việt Nam)	131		2.333.333
...						
342	XH1056/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000335 (HỘ KINH DOANH NỘI THẤT THIÊN PHÁT)	131		4.385.000
343	XH1057/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000336 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SỐNG VIỆT)	131		27.777.778
344	XH1058/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000337 (CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI NHÀ BẠN)	131		46.296.296
345	XH1059/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000338 (CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NỘI THẤT ĐỨC TÚ)	131		4.300.926
346	KC001/12	31/12	K.c doanh thu bán hàng hoá	911	7.493.049.631	
			Cộng phát sinh tháng 12		7.493.049.631	7.493.049.631
			Số dư cuối tháng 12			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		11.295.879.796	11.295.879.796
			Cộng lũy kế từ đầu năm		45.175.709.056	45.175.709.056
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.3: Sổ Cái TK 511 (Trích Sổ cái 511)

2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a) Tài khoản sử dụng

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng. Để phản ánh chi tiết Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro, công ty sử dụng TK 515.

b) Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có
- Sao kê ngân hàng.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 515
- Sổ Chi tiết TK 515

c) Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Cuối tháng, nhận được chứng từ giao dịch / Giấy báo Có của ngân hàng về khoản tiền lãi gửi của ngân hàng. Bộ phận Kế toán tổng hợp, kiểm tra, tập hợp số liệu vào phần mềm kế toán.

Hàng tháng doanh nghiệp phát sinh doanh thu tài chính tiền lãi gửi ngân hàng từ ngân hàng Techcombank, được thể hiện trên chứng từ sau:

- Ngày 31/07/2025 công ty nhận được thông báo tiền lãi của ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TCB) về khoản tiền lãi mà Công ty nhận được là 2.579 đồng.

Thông tin khách hàng / Customer Information				Thông tin số dư / Balance Summary			
Tên khách hàng/ Customer name	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT H.PRO			Số dư hiện tại/ Actual balance	53,814,916		
Số ID khách hàng/ Customer ID	39983147			Số dư đầu ngày/ Opening balance	1,882,082		
Mã số thuế/ Tax ID	0400520349			Số dư cuối ngày/ Closing balance	558,221		
Địa chỉ/ Address	149 PHẠM TU., P. KHUÊ TRUNG, Q. CAM LÊ, TP.ĐÀ NẴNG,			Tổng tiền ghi nợ/ Total debits	1,028,786,440		
Số tài khoản/ Account number	439986			Tổng tiền ghi có/ Total credits	1,027,462,579		
Tên tài khoản/ Account name	VND-TGTT-CT TNHH TM VÀ SX H.PRO			Tổng phí/ Total fees	0		
Đơn vị tiền tệ/ Currency	VND			Tổng thuế/ Total VAT	0		
Loại tài khoản/ Account type	Current Account			Tổng lệnh ghi nợ/ Total debit transaction	4		
				Tổng lệnh ghi có/ Total credit transaction	5		

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ/ghi có vào tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:
 We would like to inform you of your updated debits and credits the following details:
 Giao dịch được thực hiện vào ngày nghỉ, ngày lễ sẽ và sau giờ giao dịch sẽ có hiệu lực vào ngày làm việc tiếp theo/ Transactions performed on a non-business day/holiday or after cut off time are posted on the next business day.

Tên tài khoản đối ứng/ Remitter's	Ngày giao dịch/ Transaction	Mô tả/ Description	Nợ/ Debit	Có/ Credit	Phí / Lãi / Phí - Interest	Thuế/ Transaction VAT	Số dư Running balance
NGUYEN QUOC VIET	31/07/2025	Rt	-173,000,000				555,642
CTY TNHH HOA CHAT DAI HUNG	31/07/2025	Hpro tt dai hung	-157,126,200				173,555,642
CTY CO PHAN XUAT NHAP KHAU ACV	31/07/2025	(B/O CTY CO PHAN XUAT NHAP KHAU ACV) IB CTY ACV THANH TOAN CHO CTY H.PRO		330,000,000			330,681,842
CÔNG TY TNHH RIVERBANK VIỆT NAM	31/07/2025	Hpro tt riverbank	-18,660,240				681,842
NGUYEN QUOC VIET	31/07/2025	Rt	-680,000,000				19,342,082

Hình 2.5: Sao kê số phụ ngân hàng Techcombank

- Căn cứ giấy báo có của ngân hàng ngày 31/07/2025 về tiền lãi mà công ty thu được, kế toán tiến hành nhập số liệu vào phần mềm. Trình tự nhập liệu: Vào “**Thu chi**” sau đó chọn “**Phiếu thu tiền gửi (báo có)**”. Sau khi nhập đầy đủ dữ liệu vào phần mềm và nhấn “**Lưu**” thì phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 515, sổ Chi tiết TK 515.

✓ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Giá thành Tiền lương Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

Tin kiểm chứng từ Tin kiểm chứng từ Tin kiểm chứng từ Tin kiểm chứng từ XH1023/07 T0302/07

Số CT T0302/07 Ngày 31/07/2025 Chứng từ gốc

Đã nhập Techcombank DN Techcombank - CH Rủi ro

Đã chi

Nhận hàng

Của hàng

Lý do LA TH

Loại tiền VND Tỷ giá 1

Số TK Tỉnh/TP

Chọn Chứng từ hàng hóa, dịch vụ

Hạch toán chính sách kế toán

Diễn giải	Số tiền	TK nợ	TK có	Mã KSP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng	Ngày đến hạn	Lãi suất (%)	Hệ tính
Lãi TK	2,579	112TK	515								

Hình 2.6: Giao diện nhập lãi tiền gửi ngân hàng

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO				Mẫu số S03a-DNN		
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	CG001/01	02/01/25	TT lãi vay Ngân Hàng TMCP Á Châu	34111A	1.675.371	
2	CG001/01	02/01/25	TT lãi vay Ngân Hàng TMCP Á Châu	1121A		1.675.371
....						
4685	TG032/07	31/07/25	Lãi TK Techcombank - CN Đà Nẵng	1121K	2.579	
4686	TG032/07	31/07/25	Lãi TK Techcombank - CN Đà Nẵng	515		2.579
4687	CM031/07	31/07/25	TT lương NV - T07 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	334	62.705.791	
...						
7804	TH001/12	31/12/25	Kết chuyển thuế GTGT Tháng 12 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	33311	599.443.971	
7805	TH001/12	31/12/25	Kết chuyển thuế GTGT Tháng 12 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	1331		599.443.971
7806	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111	7.493.049.631	
7807	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	911		7.493.049.631
7808	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515	3.964	
7809	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911		3.964
7810	KC003/12	31/12/25	K.c Thu nhập khác	711	75.946	
7811	KC003/12	31/12/25	K.c Thu nhập khác	911		75.946
7812	KC004/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	911	7.290.761.165	
7813	KC004/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	632		7.290.761.165
7814	KC005/12	31/12/25	K.c Chi phí tài chính	911	88.798.435	
7815	KC005/12	31/12/25	K.c Chi phí tài chính	635		88.798.435
7816	KC006/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	112.407.150	
7817	KC006/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		112.407.150
7818	KC007/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	911	1.162.791	
7819	KC007/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212		1.162.791
			Tổng cộng số phát sinh		567.665.525.581	567.665.525.581
Ngày mở sổ: 01/01/2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người lập biểu			Kế toán trưởng		Giám đốc	
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Bảng 2.4: Sổ Nhật ký chung (Trích sổ Nhật ký chung)

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 515 (Doanh thu hoạt động tài chính)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	TG018/01	25/01	Lãi TK (Ngân Hàng TMCP Á Châu)	1121A		126		126
2	TG020/01	25/01	Lãi TK (Techcombank - CN Đà Nẵng)	1121K		348		474
....								
19	TG019/07	24/07	Lãi TK (Ngân Hàng TMCP Á Châu)	1121A		849		849
20	TG032/07	31/07	Lãi TK (Techcombank - CN Đà Nẵng)	1121K		2.579		3.428
....								
34	TG043/12	25/12	Lãi TK (Ngân Hàng TMCP Á Châu)	1121A		1.033		1.033
35	TG041/12	31/12	Lãi TK (Techcombank - CN Đà Nẵng)	1121K		2.931		3.964
36	KC002/12	31/12	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	3.964			
Cộng phát sinh tháng 12					3.964	3.964		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					18.832	18.832		
Cộng lũy kế từ đầu năm					31.519	31.519		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.5: Sổ Chi tiết TK 515 (Trích sổ Chi tiết 515)

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 515 (Doanh thu hoạt động tài chính)						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	TG018/01	25/01	Lãi TK (Ngân Hàng TMCP Á Châu)	1121A		126
2	TG020/01	25/01	Lãi TK (Techcombank - CN Đà Nẵng)	1121K		348
...						
19	TG019/07	24/07	Lãi TK (Ngân Hàng TMCP Á Châu)	1121A		849
20	TG032/07	31/07	Lãi TK (Techcombank - CN Đà Nẵng)	1121K		2.579
....						
34	TG043/12	25/12	Lãi TK (Ngân Hàng TMCP Á Châu)	1121A		1.033
35	TG041/12	31/12	Lãi TK (Techcombank - CN Đà Nẵng)	1121K		2.931
36	KC002/12	31/12	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	3.964	
			Cộng phát sinh tháng 12		3.964	3.964
			Số dư cuối tháng 12			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		18.832	18.832
			Cộng lũy kế từ đầu năm		31.519	31.519
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ			Kế toán trưởng		Giám đốc	
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Bảng 2.6: Sổ Cái TK 515 (Trích Sổ cái 515)

2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng: TK 711 – “Thu nhập khác” dùng để phản ánh khoản công nợ được miễn giảm do chênh lệch làm tròn số tiền thanh toán

b) Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

Chứng từ sử dụng: Biên bản xác nhận đối chiếu công nợ, các chứng từ có liên quan,...

❖ Sổ sách sử dụng:

– Sổ Nhật ký chung

– Sổ Cái TK 711

– Sổ Chi tiết TK 711

c) Kế toán thu nhập khác

Trong hoạt động thanh toán công nợ qua ngân hàng tại Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro, thực tế thường phát sinh những khoản chênh lệch nhỏ do Công ty có thói quen chuyển khoản theo con số tự làm tròn để thuận tiện cho việc giao dịch. Cụ thể như ngày 29/04/2025, Công ty đã thanh toán 874.160.000 đồng cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Văn Cao, dẫn đến bị thiếu mất 4.000 đồng so với giá trị cần thanh toán ban đầu là 874.164.000 đồng.

Nhằm đảm bảo được Sổ chi tiết công nợ phải được thanh toán dứt điểm, không bị treo khoản chưa thanh toán nhỏ lẻ, ảnh hưởng đến việc rà soát vào cuối kỳ kế toán, kế toán công ty đã thống nhất với nhà cung cấp, hạch toán phần chênh lệch trên phần mềm:

The screenshot displays the 'Bảng cân đối tài khoản' (Balance Sheet) window for account 'CG023/04'. The date is set to 29/04/2025. The voucher type is 'D' (Debit). The transaction is recorded in the 'Chi tiết thu chi' (Detailed Income/Expense) table.

Đến giải	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng	Ngày đến hạn	Lãi suất(%)	Kỳ tính lãi
1 TT mua hàng	874.160.000	331	1121K								
2 TT mua hàng	4.000	331	711								
3											

Hình 2.7: Giao diện hạch toán thu nhập khác

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO				Mẫu số S03a-DNN		
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	CG001/01	02/01/25	TT lãi vay Ngân Hàng TMCP Á Châu	34111A	1.675.371	
2	CG001/01	02/01/25	TT lãi vay Ngân Hàng TMCP Á Châu	1121A		1.675.371
....						
2237	CG023/04	29/04/25	TT mua hàng CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VĂN CAO	331	874.160.000	
2238	CG023/04	29/04/25	TT mua hàng CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VĂN CAO	1121K		874.160.000
2239	CG023/04	29/04/25	TT mua hàng CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VĂN CAO	331	4.000	
2240	CG023/04	29/04/25	TT mua hàng CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VĂN CAO	711		4.000
2241	CM023/04	29/04/25	Nộp tiền TK Nguyễn Quốc Việt	1121K	100.000.000	
..				...		
7806	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111	7.493.049.631	
7807	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	911		7.493.049.631
7808	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515	3.964	
7809	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911		3.964
7810	KC003/12	31/12/25	K.c Thu nhập khác	711	75.946	
7811	KC003/12	31/12/25	K.c Thu nhập khác	911		75.946
7812	KC004/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	911	7.290.761.165	
7813	KC004/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	632		7.290.761.165
7814	KC005/12	31/12/25	K.c Chi phí tài chính	911	88.798.435	
7815	KC005/12	31/12/25	K.c Chi phí tài chính	635		88.798.435
7816	KC006/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	112.407.150	
7817	KC006/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		112.407.150
7818	KC007/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	911	1.162.791	
7819	KC007/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212		1.162.791
			Tổng cộng số phát sinh		567.665.525.581	567.665.525.581
Ngày mở sổ: 01/01/2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người lập biểu			Kế toán trưởng		Giám đốc	
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Bảng 2.7: Sổ Nhật ký chung (Trích sổ Nhật ký chung)

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : 149 Phạm Tử, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 711 (Thu nhập khác)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	CG023/04	29/04	TT mua hàng (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VĂN CAO)	331		4.000		4.000
2	KC003/04	30/04	K.c Thu nhập khác	911	4.000			
Cộng phát sinh tháng 04					4.000	4.000		
Số dư cuối tháng 04								
...								
7	CG032/12	19/12	TT vay (Ngân Hàng TMCP Á Châu)	34111A		75.945		75.945
8	CG054/12	31/12	TT mua hàng (CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT PETROLIMEX)	331		1		75.946
9	KC003/12	31/12	K.c Thu nhập khác	911	75.946			
Cộng phát sinh tháng 12					75.946	75.946		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					75.974	75.974		
Cộng lũy kế từ đầu năm					86.476	86.476		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.8: Sổ Chi tiết TK 711 (Trích sổ Chi tiết 711)

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 711 (Thu nhập khác)						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	CG023/04	29/04	TT mua hàng (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VĂN CAO)	331		4.000
2	KC003/04	30/04	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911	4.000	
			Cộng phát sinh tháng 04		4.000	4.000
			Số dư cuối tháng 04			
7	CG032/12	19/12	TT vay (Ngân Hàng TMCP Á Châu)	34111A		75.945
8	CG054/12	31/12	TT mua hàng (CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT PETROLIMEX)	331		1
9	KC003/12	31/12	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911	75.946	
			Cộng phát sinh tháng 12		75.946	75.946
			Số dư cuối tháng 12			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		75.974	75.974
			Cộng lũy kế từ đầu năm		86.476	86.476
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.9: Sổ Cái TK 711 (Trích Sổ Cái 711)

2.2.2. Kế toán chi phí

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a) Tài khoản sử dụng

Để phản ánh chi tiết Giá vốn hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro, công ty sử dụng tài khoản 632.

b) Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu xuất kho.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 632
- Sổ Chi tiết Tài Khoản 632

c) Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đồng thời với doanh thu bán hàng hóa theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước – xuất trước. Khách hàng có nhu cầu mua hàng sẽ liên hệ với bộ phận kinh doanh, sau đó bộ phận kinh doanh sẽ liên hệ với bộ phận kho để kiểm tra xem hàng trong kho có đủ hay không. Sau đó bộ phận kho tiến hành xuất hàng hóa và lập phiếu xuất kho, phần giá xuất kho sẽ được cập nhật trên phần mềm kế toán, sau đó được ghi trên phiếu xuất kho.

Cuối kỳ kết chuyển TK 632 – giá vốn hàng bán vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh để xác định kết quả kinh doanh.

Nghiệp vụ 1:

- Ngày 28/10/2025, Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro xuất bán hàng hóa có trong hóa đơn cho công ty TNHH Trang trí Nội thất Sơn Minh Hưng theo số hóa đơn 259, giá bán chưa thuế GTGT là 100.237.500 đồng, thuế GTGT 8%. Khách hàng chưa thanh toán.

Kế toán sẽ lập phiếu xuất kho. Để lập được phiếu xuất kho thì sau khi hạch toán doanh thu xong kế toán bấm “Lưu” thì phần mềm tự hạch toán giá vốn và lập phiếu xuất kho.

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Giá thành Tiền lương Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language
 Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

Tên liên chứng từ: XH1016/10

Chứng từ: Số CT: XH1016/10 Ngày: 28/10/2025 C. từ gốc: Mã kho: Lý do: Xuất hàng - HĐ 00000259
 Địa tương: 430089549 Địa chỉ: Thôn Tham Hối 2, Xã Đông Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam Số ngày nợ: 0 P. Tiền VC: P. Tiền VC
 Địa chỉ: Thôn Tham Hối 2, Xã Đông Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam Ngày ghi: 24/10/2025 Mức giá: Loại tiền: VND Tỷ giá: 1

☒ Hóa đơn Ngày: 28/10/2025 Mã M&H: 1C25THP Loại thuế: 8 Đơn vị: CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG MST/CC: 430089549
 Ký hiệu: 1C25THP Số hóa đơn: 00000259 Cửa hàng: Mặt hàng: Loại: 430089549
 Tiền hàng: 100.237.500 % Chiết khấu: 0 Tiền CK: 0 Đơn hàng: Phương thức TT: TM/CK
 Tiền thuế: 8.019.000 Ghi nợ: 131 Ghi có: 33311 Khoản mục: Vụ việc: Nhiều hóa đơn...
☐ Hiện thị thuế xuất từng mặt hàng Ghi chú:

☒ Danh sách hàng hóa, dịch vụ của Nhóm: Ngành: Lĩnh vực: Copy Phiếu

Mã hàng	Tên hàng hóa - vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiền hàng	TK Nợ	TK Có	ĐG vốn	Tiền vốn	Nợ GV	Có GV	Giá dịch danh	Tiền VAT	Tổng tiền	Số hóa đơn	Đơn hàng	Ghi chú
1	DUNG MÔI CÔNG NGHIỆP	kg	6.750,00	14.850,00	100.237.500	100.237.500	131	5111	14.400,00	97.200.000	632	156		8.019.000	108.256.500			
2																		

Tổng chứng từ: 100.237.500 Thành toán: 0 ☐ In biên bản ☒ Xem trước khi in
 Tổng hóa đơn: 108.256.500 Cũn nợ: 108.256.500 ☐ Xem công nợ hiện hành

Thêm từ file XML
 Lưu Thêm
 Thu tiền Chi phí

Hình 2.8: Giao diện hạch toán giá vốn hàng bán

Đơn vị: Công ty TNHH TM & SX H.PRO Mẫu số 02-VT
 Địa chỉ: 149 Phạm Tử, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

Số: XH1016/10
 Nợ: 632
 Có: 156

PHIẾU XUẤT KHO
 Ngày 28 tháng 10 năm 2025

Họ, tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG
 Địa chỉ: Thôn Tham Hối 2, Xã Đông Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
 Lý do: Xuất hàng - HĐ 00000259
 Kho xuất: Địa điểm:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Dung môi công nghiệp	kg	6.750,00	14.400,00	97.200.000
Tổng cộng			-	-	97.200.000

Số tiền phải thanh toán: Chín mươi bảy triệu, hai trăm nghìn đồng y.
 (Viết bằng chữ)
 Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 28 tháng 10 năm 2025

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Nguyễn Lê Anh Tuấn

Hình 2.9: Phiếu xuất kho theo HĐ 259

❖ **Cách tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước – xuất trước như sau:**

Dựa vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa của mặt hàng Dung môi công nghiệp (Phụ lục), ta có bảng tính như sau:

Ngày	Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn kho		
	Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Đầu kỳ					0	0	0
Ngày 23/07	21.500	13.200			21.500	13.200	283.800.000
Ngày 29/07			1.593	13.200	19.907	13.200	262.772.400
Ngày 29/07			406	13.200	19.501	13.200	257.413.200
Ngày 30/07			1.232	13.200	18.269	13.200	241.150.800
Ngày 07/08			800	13.200	17.469	13.200	230.590.800
Ngày 08/08			240	13.200	17.229	13.200	227.422.800
Ngày 15/08			3.000	13.200	14.229	13.200	187.822.800
Ngày 21/08			460	13.200	13.769	13.200	181.750.800
Ngày 21/08			1.240	13.200	12.529	13.200	165.382.800
Ngày 21/08			90	13.200	12.439	13.200	164.194.800
Ngày 25/08			6.000	13.200	6.439	13.200	84.994.800
Ngày 29/08			250	13.200	6.189	13.200	81.694.800
Ngày 29/08			674	13.200	5.515	13.200	72.798.000
Ngày 30/08			1.257	13.200	4.258	13.200	56.205.600
Ngày 11/09			150	13.200	4.108	13.200	54.225.600
Ngày 15/09			1.425	13.200	2.683	13.200	35.415.600
Ngày 15/09			2.000	13.200	683	13.200	9.015.600
Ngày 17/09			576	13.200	107	13.200	1.412.400
Ngày 19/09			90	13.200	17	13.200	224.400
Ngày 30/09					17	13.200	144.224.400
	10.000	14.400			10.000	14.400	
Ngày 30/09					17	13.200	216.224.400
	5.000	14.400			15.000	14.400	
Ngày 15/10			17	13.200			202.536.000
			935	14.400	14.065	14.400	
Ngày 16/10			140	14.400	13.925	14.400	200.520.000
Ngày 24/10			130	14.400	13.795	14.400	198.648.000
Ngày 24/10			1.016	14.400	12.779	14.400	184.017.600
Ngày 28/10			6.750	14.400	6.029	14.400	86.817.600
Cuối kỳ					6.029	14.400	86.817.600

Bảng 2.10: Bảng tính đơn giá xuất kho của hàng Dung môi công nghiệp

Ta có:
$$\frac{6.750 \times 14.400}{6750} = 14.400$$

Do đó ta tính được ngày 28/10 công ty xuất ra 6.750kg Dung môi công nghiệp có tổng tiền là 97.200.000 đồng. Suy ra đơn giá bằng 14.400 đồng.

- Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán công ty đã hạch toán nghiệp vụ này vào phần

mềm, phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết của tài khoản 632, sổ cái tài khoản 632.

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO				Mẫu số S03a-DNN		
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	CG001/01	02/01/25	TT lãi vay Ngân Hàng TMCP Á Châu	34111A	1.675.371	
2	CG001/01	02/01/25	TT lãi vay Ngân Hàng TMCP Á Châu	1121A		1.675.371
...						
6257	XH1016/10	28/10/25	Xuất hàng - HĐ 00000259 CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG	131	100.237.500	
6258	XH1016/10	28/10/25	Xuất hàng - HĐ 00000259 CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG	5111		100.237.500
6259	XH1016/10	28/10/25	Thuế GTGT Xuất hàng - HĐ 00000259 CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG	131	8.019.000	
6260	XH1016/10	28/10/25	Thuế GTGT Xuất hàng - HĐ 00000259 CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG	33311		8.019.000
6261	XH1016/10	28/10/25	Xuất hàng - HĐ 00000259 CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG	632	97.200.000	
6262	XH1016/10	28/10/25	Xuất hàng - HĐ 00000259 CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG	156		97.200.000
...	...					
7806	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111	7.493.049.631	
7807	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	911		7.493.049.631
7808	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515	3.964	
7809	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911		3.964
7810	KC003/12	31/12/25	K.c Thu nhập khác	711	75.946	
7811	KC003/12	31/12/25	K.c Thu nhập khác	911		75.946
7812	KC004/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	911	7.290.761.165	
7813	KC004/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	632		7.290.761.165
7814	KC005/12	31/12/25	K.c Chi phí tài chính	911	88.798.435	
7815	KC005/12	31/12/25	K.c Chi phí tài chính	635		88.798.435
7816	KC006/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	112.407.150	
7817	KC006/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		112.407.150
7818	KC007/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	911	1.162.791	
7819	KC007/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212		1.162.791
Tổng cộng số phát sinh					567.665.525.581	567.665.525.581
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập biểu		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.11: Sổ Nhật ký chung TK 632 (Trích sổ Nhật ký chung)

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 632 (Giá vốn hàng bán)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	XH1001/01	07/01	Xuất hàng - HD 00000001 (Công ty TNHH Hoso Việt Nam)	155	1.351.368		1.351.368	
2	XH1002/01	08/01	Xuất hàng - HD 00000002 (Công Ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hoà Cường)	155	17.182.097		18.533.465	
.....		..						
400	XH1018/10	24/10	Xuất hàng - HD 00000256 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MAI PHƯỚC TIẾN)	156	26.173.900		2.320.234.286	
401	XH1016/10	28/10	Xuất hàng - HD 00000259 (CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG)	156	97.200.000		2.417.434.286	
402	XH1019/10	28/10	Xuất hàng - HD 00000257 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HƯNG PHÁT NGHỆ AN)	156	8.130.000		2.425.564.286	
...								
531	XH1058/12	31/12	Xuất hàng - HD 00000337 (CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI NHÀ BẠN)	156	14.335.900		7.286.757.165	
532	XH1059/12	31/12	Xuất hàng - HD 00000338 (CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NỘI THẤT ĐỨC TỬ)	155	647.400		7.287.404.565	
533	XH1059/12	31/12	Xuất hàng - HD 00000338 (CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NỘI THẤT ĐỨC TỬ)	156	3.356.600		7.290.761.165	
534	KC004/12	31/12	K.c giá vốn hàng bán	911		7.290.761.165		
Cộng phát sinh tháng 12					7.290.761.165	7.290.761.165		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					11.007.578.480	11.007.578.480		
Cộng lũy kế từ đầu năm					44.299.892.089	44.299.892.089		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.12: Sổ Chi tiết TK 632 (Trích sổ Chi tiết 632)

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 632 (Giá vốn hàng bán)						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	XH1001/01	07/01	Xuất hàng - HĐ 00000001 (Công ty TNHH Hoso Việt Nam)	155	1.351.368	
2	XH1002/01	08/01	Xuất hàng - HĐ 00000002 (Công Ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hoà Cường)	155	17.182.097	
....						
400	XH1018/10	24/10	Xuất hàng - HĐ 00000256 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MAI PHƯỚC TIỀN)	156	26.173.900	
401	XH1016/10	28/10	Xuất hàng - HĐ 00000259 (CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HÙNG)	156	97.200.000	
402	XH1019/10	28/10	Xuất hàng - HĐ 00000257 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÙNG PHÁT NGHỆ AN)	156	8.130.000	
403	XH1020/10	28/10	Xuất hàng - HĐ 00000258 (Công ty TNHH Hoso Việt Nam)	156	1.296.000	
...						
530	XH1058/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000337 (CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI NHÀ BẠN)	155	18.974.981	
531	XH1058/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000337 (CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI NHÀ BẠN)	156	14.335.900	
532	XH1059/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000338 (CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NỘI THẤT ĐỨC TÚ)	155	647.400	
533	XH1059/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000338 (CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NỘI THẤT ĐỨC TÚ)	156	3.356.600	
534	KC004/12	31/12	K.c giá vốn hàng bán	911		7.290.761.165
			Cộng phát sinh tháng 12		7.290.761.165	7.290.761.165
			Số dư cuối tháng 12			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		11.007.578.480	11.007.578.480
			Cộng lũy kế từ đầu năm		44.299.892.089	44.299.892.089
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.13: Sổ Cái TK 632 (Trích sổ Cái 632)

2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a) Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh” để theo dõi chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp.

Chi phí quản lý kinh doanh ở đơn vị chỉ bao gồm chi phí quản lý doanh nghiệp, không bao gồm chi phí bán hàng. Gồm chi phí tiền lương bộ phận quản lý; Các dịch vụ mua ngoài (tiền điện, tiền nước sinh hoạt, chi phí xăng xe, chi phí ăn uống tiếp khách,...).

b) Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

– Phiếu chi, ủy nhiệm chi, Bảng thanh toán tiền lương, bảng chấm công, Bảng trích khấu hao tài sản cố định, bảng phân bổ công cụ dụng cụ, Hóa đơn GTGT

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 642
- Sổ Chi tiết TK 6422

c) Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

❖ Lương và các khoản trích theo lương

Ngày 31/12/2025 Công ty chi tiền trả lương cho nhân viên theo bảng thanh toán lương số tiền là 80.153.300 đồng, các khoản trích theo lương tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp là 11.259.189 đồng, tính vào lương công nhân viên là 5.498.676 đồng.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT H.PRO
ĐC: 149 Phạm Tử, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Bảng chấm công
Tháng 12 năm 2025

số tt	họ và tên	chức danh hoặc bậc lương	ngày trong tháng/ thứ trong tuần																															Lương trả gán	Việc riêng không lương	Nghỉ lương lương	ghi chú
			01 T.Hai	02 T.Ba	03 T.Tứ	04 T.Năm	05 T.Sáu	06 T.Bảy	C.Ngày 07	08 T.Hai	09 T.Ba	10 T.Tứ	11 T.Năm	12 T.Sáu	13 T.Bảy	C.Ngày 14	15 T.Hai	16 T.Ba	17 T.Tứ	18 T.Năm	19 T.Sáu	20 T.Bảy	C.Ngày 21	22 T.Hai	23 T.Ba	24 T.Tứ	25 T.Năm	26 T.Sáu	27 T.Bảy	C.Ngày 28	29 T.Hai	30 T.Ba	31 T.Tứ				
A. BP Quản Lý, Hành chính																																					
1	Nguyễn Quốc Việt	GD	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+		27			
2	Thái Thị Mỹ Hạnh	KT	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+		27			
3	Nguyễn Thị Mỹ An	KT	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+		27			
B. BP Bán Hàng, Thiết kế, Nhân viên																																					
1	Nguyễn Đỗ Duy Đạt	BH	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+		27			
2	Nguyễn Chiến	BH	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+		27			
3	Nguyễn Văn Nhân	BH	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+		27			
4	Phan Thanh Trí	BH	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+		27			
5	Nguyễn Thanh Thiện	KT	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+		27			
6	Nguyễn Văn Dũng	KT	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+		27			
7	Nguyễn Văn Thơm	ĐG	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+		27			
8	Phạm Quốc Lương	ĐG	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+	+	+	+		+	+	+		27			
C. BP Thời vụ																																					
Tổng cộng																																		##	0	0	

Hình 2.10: Trích Bảng chấm công

Bảo hiểm xã hội: tại công ty, quỹ BHXH được hình thành bằng cách trích lập theo tỷ lệ quy định trên tổng quỹ lương cơ bản của người lao động, tỷ lệ trích nộp BHXH là 32%, trong đó:

- + 21,5% là do công ty sử dụng lao động nộp, được tính vào chi phí kinh doanh.
- + 10,5% là đóng góp của công nhân viên để được hưởng các chế độ xã hội.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT H.PRO
ĐC: 149 Phạm Tử, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG																		
Tháng 12 năm 2025																		
Số công quy định trong tháng: 27,0																		
Mức lương tối thiểu chung: 3.777.100																		
Đơn vị tính: VND																		
S T T	Họ và tên	CV	Số công	Mức lương chính theo HĐ	Phụ cấp ăn ca, xăng xe	Tết dương lịch	Lương & phụ cấp tháng này	Các khoản khấu trừ lương			Tổng khoản giảm trừ	Số người phụ thuộc	Thuế TNCN		BHT tính vào chi phí			Tổng BHT tính vào chi phí
								BHXH 08,00%	BHYT 01,50%	BHTN 01,00%			TN tính thuế	Thuế TNCN	BHXH 17,5%	BHYT 03,00%	BHTN 01,00%	
A	B	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10	11	12	13	14	15	16	17
C																		
A	A. BP Quản Lý, Hành chính		81	14.618.700	3.465.000	3.000.000	21.083.700	1.169.496	219.281	146.187	1.534.964	0	0	0	2.558.273	438.561	146.187	3.143.021
1	Nguyễn Quốc Việt	GD	27,0	5.100.000	1.800.000	2.000.000	8.900.000	408.000	76.500	51.000	535.500	0	0	0	892.500	153.000	51.000	1.096.500
2	Thái Thị Mỹ Hạnh	KT	27,0	4.800.000	0		4.800.000	384.000	72.000	48.000	504.000	0	0	0	840.000	144.000	48.000	1.032.000
3	Nguyễn Thị Mỹ An	KT	27,0	4.718.700	1.665.000	1.000.000	7.383.700	377.496	70.781	47.187	495.464	0	0	0	825.773	141.561	47.187	1.014.521
B	B. BP Bán Hàng, Thiết kế, N		216	37.749.600	13.320.000	8.000.000	59.069.600	3.019.968	566.248	377.496	3.963.712	0	0	0	6.606.184	1.132.488	377.496	8.116.168
1	Nguyễn Đỗ Duy Đạt	BH	27,0	4.718.700	1.665.000	1.000.000	7.383.700	377.496	70.781	47.187	495.464	0	0	0	825.773	141.561	47.187	1.014.521
2	Nguyễn Chiến	BH	27,0	4.718.700	1.665.000	1.000.000	7.383.700	377.496	70.781	47.187	495.464	0	0	0	825.773	141.561	47.187	1.014.521
3	Nguyễn Văn Nhân	BH	27,0	4.718.700	1.665.000	1.000.000	7.383.700	377.496	70.781	47.187	495.464	0	0	0	825.773	141.561	47.187	1.014.521
4	Phạm Thanh Trí	BH	27,0	4.718.700	1.665.000	1.000.000	7.383.700	377.496	70.781	47.187	495.464	0	0	0	825.773	141.561	47.187	1.014.521
5	Nguyễn Thanh Thuận	KT	27,0	4.718.700	1.665.000	1.000.000	7.383.700	377.496	70.781	47.187	495.464	0	0	0	825.773	141.561	47.187	1.014.521
6	Nguyễn Văn Dũng	KT	27,0	4.718.700	1.665.000	1.000.000	7.383.700	377.496	70.781	47.187	495.464	0	0	0	825.773	141.561	47.187	1.014.521
7	Nguyễn Văn Thơm	DG	27,0	4.718.700	1.665.000	1.000.000	7.383.700	377.496	70.781	47.187	495.464	0	0	0	825.773	141.561	47.187	1.014.521
8	Phạm Quốc Lương	DG	27,0	4.718.700	1.665.000	1.000.000	7.383.700	377.496	70.781	47.187	495.464	0	0	0	825.773	141.561	47.187	1.014.521
C	BP Thời vụ		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG			297	52.368.300	16.785.000	11.000.000	80.153.300	4.189.464	785.529	523.683	5.498.676	0	0	0	9.164.457	1.571.049	523.683	11.259.189

Số tiền bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng y.

16.757.865

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Giám đốc

Hình 2.11: Trích Bảng thanh toán tiền lương

Căn cứ vào bảng chấm công, bảng tính lương, kế toán tiến hành hạch toán trên phần mềm. Trình tự nhập liệu: Vào “**Tổng hợp**” □ tích chọn “**Chứng từ kế toán khác**”. Sau khi nhập số liệu đầy đủ và bấm nút “**Lưu**”, phần mềm sẽ hiển thị như dưới.

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Esc

Ctrl+D

Ctrl+M

Ctrl+S

Ctrl+R

Ctrl+W

Ctrl+T

Ctrl+N

F1

Báo cáo hàng hóa | Bảng cân đối tài khoản | Tiền kiểm chứng từ | TH002/12

Số CT

TH002/12

Ngày

31/12/2025

CT gốc

Cửa hàng

Đầu tương

H.PRO

"D"

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT H.PRO

Lý do

CP lương & BHXH T12

"L"

Địa chỉ

149 Phạm Tử, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Loại tiền

VND

Tỷ giá

1

Chi tiết phát sinh

	Đến giá	Số tiền	TK Nợ	Khách Nợ	TK Có	Khách Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên vụ việc	Đơn hàng
1	CP lương & BHXH T12	80.153.300	6422		334						
2	CP lương & BHXH T12	4.189.464	334		3383	BHXH					
3	CP lương & BHXH T12	785.529	334		3384	BHXH					
4	CP lương & BHXH T12	523.683	334		3385	BHXH					
5	CP lương & BHXH T12	9.164.457	6422		3383	BHXH					
6	CP lương & BHXH T12	1.571.049	6422		3384	BHXH					
7	CP lương & BHXH T12	523.683	6422		3385	BHXH					
8											

Hình 2.12: Giao diện hạch toán tiền lương

❖ Chi phí xăng dầu

Ngày 20/10/2025, mua xăng dùng trực tiếp cho xe của của Giám đốc với số tiền 909.091 đồng (chưa bao gồm thuế), thuế 10%. Đã thanh toán bằng tiền mặt

14:03 4/4/26

Hóa Đơn Điện Tử



Mẫu số: 1

Ký hiệu: K25TBL

Số: 00024865

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 20 tháng 01 năm 2025

Tên người bán: **CÔNG TY XĂNG DẦU BÌNH ĐỊNH**

Mã số thuế: **4100259821**

Địa chỉ: Số 85, đường Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0903503611

Họ tên người mua:

Tên người mua: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO**

Mã số thuế: **0400520349**

Địa chỉ: 149 Phạm Tứ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

Đơn vị tiền tệ: VND

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ	DO 0.05S-II	Lít	49,801	18.254,55	0	10%	909.091

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
10%	909.091	90.909

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	909.091
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	90.909
Tổng tiền phí	0
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng tiền thanh toán bằng số	1.000.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Một triệu đồng

Hình 2.13: Hóa đơn xăng xe số 00024865

Dựa vào hóa đơn GTGT kế toán nhập liệu vào phần mềm Vietda để hạch toán: Vào “**Thu chi** ☐ **phiếu chi tiền mặt**”. Sau khi nhập số liệu đầy đủ và bấm nút “**Lưu**””, thì phần mềm sẽ hiển thị như bên dưới. Phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin vào sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 642, sổ chi tiết tài khoản 6422.

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Giá thành Tiền lương Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

Bảo cáo hàng hóa Bảng cân đối tài khoản Tin tức chứng từ TH002/12 Tin tức chứng từ CM009/01 CM021/12

Số CT: CM009/01 Ngày: 20/01/2025 Chứng từ gốc: Cửa hàng: Lý do: TT xăng xe - HD 24865 Loại tiền: VND Tỷ giá: 1

Địa chỉ: Số 85 đường Trần Hưng Đạo, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Chi tiết thu chi

Chọn Chứng từ hàng hóa, dịch vụ	Hạch toán chính sách tỷ giá
Đến giá	Số tiền
TT xăng xe - HD 24865	909.091

Thuế GTGT

Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Ký hiệu	Số HĐ	Loại thuế	Tiền thuế VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Mã đối tượng	Đơn vị	Địa chỉ	MST/CC	Đến giá	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc
20/01/2025	HK25BL	HK25BL	24865	TH	10	909.091	90.909	1331	1111	9821	Xăng dầu bình định		TT xăng xe - HD 24865			

Tổng thanh toán: 1.000.000 Tổng hóa đơn: 1.000.000

Dữ liệu: C:\Users\admin\Documents\SHA HUNG2025.vda Người dùng: Admin

Hình 2.14: Giao diện hạch toán chi tiền mua xăng

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX HPRO

Địa chỉ : 149 Phạm Tử, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

Số : CM009/01
Ng 6422.909.091.1331.90.909
C 6.1111.1.000.000

PHIẾU CHI
Ngày 20 tháng 01 năm 2025

Họ, tên người nhận tiền : **CÔNG TY XĂNG DẦU BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ : **Số 85 đường Trần Hưng Đạo, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**

Lý do : **TT xăng xe - HD 24865**

Số tiền : **1.000.000 đồng** Kèm theo: _____ chứng từ gốc.

Viết bằng chữ : **Một triệu đồng y.**

Ngày 20 tháng 01 năm 2025

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) **Thủ quỹ** (Ký, họ tên) **Người lập phiếu** (Ký, họ tên) **Người nhận tiền** (Ký, họ tên)

Nguyễn Lê Anh Tuấn

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : **Một triệu đồng y.**

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) : _____

+ Số tiền quy đổi : _____

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Hình 2.15: Phiếu chi theo HD 24865

❖ Chi phí ăn uống

Ngày 27/06/2025, Công ty mời nhân viên ăn uống theo hóa đơn cho Công ty với số tiền 3.327.778 đồng(chưa bao gồm thuế), thuế 8%. Đã thanh toán bằng tiền mặt.



Mẫu số: 1
Ký hiệu: C25TKS
Số: 00002643

HÓA ĐƠN GTGT

Ngày 27 tháng 06 năm 2025

MCCQT: 00CB63DCDBDE224C32BFB19E0078731C0D

Tên người bán: **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUẾ**

Mã số thuế: **3300100018**

Địa chỉ: 04 Kim Long, phường Kim Long, Quận Phú Xuân, Thành phố Huế, Việt Nam

Điện thoại: 0234.3548992

Họ tên người mua:

Tên người mua: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO**

Mã số thuế: **0400520349**

Địa chỉ: 149 Phạm Tử, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản

Đơn vị tiền tệ: VND

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ	Suất ăn	suất	11	277.777,818	0	8%	3.055.556
2	Hàng hóa, dịch vụ	Nước suối	Chai	9	9.259,222	0	8%	83.333
3	Hàng hóa, dịch vụ	Dịch vụ		1	188.889	0	8%	188.889

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	3.327.778	266.222

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	3.327.778
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	266.222
Tổng tiền phí	0
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng tiền thanh toán bằng số	3.594.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Ba triệu năm trăm chín mươi bốn ngàn đồng chẵn.

CƠ QUAN THUẾ
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi: CỤC THUẾ
Ký ngày: 2025-06-27T21:18:31



NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUẾ
Ký ngày: 2025-06-27T21:18:31



NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số (nếu có))

Hình 2.16: Hóa đơn ăn uống số 00002643

Dựa vào hóa đơn GTGT kê toán nhập liệu vào phần mềm Vietda: Vào “**Thu chi phiếu chi tiền mặt**”. Sau khi nhập số liệu đầy đủ và bấm nút “**Lưu**””, thì phần mềm sẽ hiển thị như bên dưới.

The screenshot shows the Vietda software interface for recording a receipt. The top menu bar includes options like 'Nhập xuất', 'Thu chi', 'Công nợ', 'TSCĐ', 'Giá thành', 'Tiền lương', 'Tổng hợp', 'Hệ thống', 'Trợ giúp', and 'Language'. Below the menu, there are several input fields for receipt details: 'Số CT' (CM005/06), 'Ngày' (27/06/2025), 'Chứng từ gốc', 'Đối tượng' (3300100018), 'Địa chỉ' (04 Kim Long, Phường Kim Long, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam), 'Lý do' (TT ăn uống - HĐ 2643), and 'Loại tiền' (VND). A table below these fields shows transaction details with columns for 'Diễn giải', 'Số tiền', 'TK Nợ', 'TK Có', 'Mã KMP', 'Tên KMP', 'Vụ việc', 'Đơn hàng', 'Ngày đến hạn', 'Lãi suất (%)', and 'Ký tính lãi'. The table contains one entry with a date of 27/06/2025 and an amount of 3.327.778. At the bottom, there is a summary section with 'Tổng thanh toán' (3.594.000) and 'Tổng hóa đơn' (3.594.000).

Hình 2.17: Giao diện hạch toán chi tiền ăn uống

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO

Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

Số : CM005/06

Nợ 6422:3.327.778; 1331:266.222
Có 1111:3.594.000

PHIẾU CHI
Ngày 27 tháng 06 năm 2025

Họ, tên người nhận tiền : CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUẾ

Địa chỉ : 04 Kim Long, Phường Kim Long, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Lý do : TT ăn uống - HĐ 2643

Số tiền : 3.594.000 đồng Kèm theo: chứng từ gốc.

Viết bằng chữ : Ba triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng y.

Ngày 27 tháng 06 năm 2025

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) **Thủ quỹ** (Ký, họ tên) **Người lập phiếu** (Ký, họ tên) **Người nhận tiền** (Ký, họ tên)

Nguyễn Lê Anh Tuấn

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Ba triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng y.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) :

+ Số tiền quy đổi :

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Hình 2.18: Phiếu chi theo HĐ số 2643

❖ Phân bổ CCDC

Ngày 09/09/2025, phân bổ chi phí mua chữ ký số với thời hạn 3 năm.

Vào “TSCĐ□ Công cụ dụng cụ”, nhập đầy đủ thông tin trên hóa đơn. Kế toán sẽ nhập vào mục “Công thức” rồi hạch toán. Sau khi nhập đầy đủ rồi ấn nút “Lưu”, thì phần mềm sẽ tự động tính phân bổ theo từng tháng cho CCDC đó.(Phụ lục)

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO										Mẫu số S09-DNN							
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng										(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)							
SỔ THEO DÕI CÔNG CỤ - DỤNG CỤ																	
Năm 2025																	
Đơn vị tính : Đồng																	
S T T	Chi tăng TSCĐ, CCDC									Khấu hao, phân bổ				Giá trị còn lại	Chi giảm TSCĐ, CCDC		
	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ, CCDC	Nước sản xuất	Ngày tháng sử dụng	Kỳ phân bổ cuối	Số kỳ phân bổ	Số hiệu TSCĐ, CCDC	Nguyên giá TSCĐ, CCDC	Trong kỳ		Giá trị hao mòn lũy kế	Chứng từ		Lý do Giảm TSCĐ, CCDC		
	Số hiệu	Ngày, tháng								% khấu hao	Mức khấu hao		Số hiệu			Ngày, tháng	
A	B	C	D	E	G	H	I	K	1	2	3	4	5	L	M	N	
2	0000050	17/12/18	Máy lạnh		17/12/18	11/29	132	18ML3	17.818.182	9,17	1.633.236	11.487.215	6.330.967				
6	00000580	29/04/25	Chữ ký Hilo 3 năm		01/04/25	03/28	36	2504-CKS	1.181.818	25,00	295.452	295.452	886.366				
7	000005	27/05/25	Tên miền +Web		27/05/25	05/26	13	2505-WEB	3.750.000	59,68	2.237.903	2.237.903	1.512.097				
8	26024	09/09/25	Chữ ký số FPT 3 năm		09/09/25	08/28	36	2509CKS	2.625.000	10,63	278.957	278.957	2.346.043				
Tổng cộng				x	x	x	x	x	140.381.363	3,56	4.994.764	129.305.890	11.075.473	x	x	x	
Ngày mở sổ : 01/01/2025																	
Người lập phiếu										Kế toán trưởng				Giám đốc			
(Ký, họ tên)										(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên, đóng dấu)			

Hình 2.19: Sổ theo dõi công cụ dụng cụ

❖ Khấu hao TSCĐ

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO										Mẫu số S09-DNN						
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng										(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)						
SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH																
Năm 2025																
Đơn vị tính : Đồng																
S T T	Ghi tăng TSCĐ, CCDC								Khấu hao, phân bổ				Giá trị còn lại	Ghi giảm TSCĐ, CCDC		
	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ, CCDC	Nước sản xuất	Ngày tháng sử dụng	Kỳ phân bổ cuối	Số kỳ phân bổ	Số hiệu TSCĐ, CCDC	Nguyên giá TSCĐ, CCDC	Trong kỳ		Giá trị hao mòn lũy kế		Chứng từ		Lý do Giảm TSCĐ, CCDC
	Số hiệu	Ngày, tháng								% khấu hao	Mức khấu hao			Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	C	D	E	G	H	I	K	I	2	3	4	5	L	M	N
1	0000166	07/12/16	Kho sơn		01/12/16	11/27	132	16KS	272.727.273	9,09	24.793.386	225.206.617	47.520.656			
2	0000011	27/05/19	Nhà kho		01/06/19	05/29	120	19NK	578.090.909	10,00	57.809.094	380.576.505	197.514.404			
3	0003184	21/07/20	Xe ô tô 7 chỗ Outlander		01/08/20	07/28	96	20OT-M	767.022.727	12,50	95.877.840	519.338.300	247.684.427			
Tổng cộng				x	x	x	x	x	1.617.840.909	11,03	178.480.320	1.125.121.422	492.719.487	x	x	x
Ngày mở sổ : 01/01/2025																
Người lập phiếu								Kế toán trưởng					Giám đốc			
(Ký, họ tên)								(Ký, họ tên)					(Ký, họ tên, đóng dấu)			

Hình 2.20: Sổ Tài sản cố định

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO				Mẫu số S03a-DNN		
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
....						
425	CM009/01	20/01/25	TT xăng xe - HD 24865 Xăng dầu bình định	6422	909.091	
426	CM009/01	20/01/25	TT xăng xe - HD 24865 Xăng dầu bình định	1111		909.091
427	CM009/01	20/01/25	TT xăng xe - HD 24865 Xăng dầu bình định	1331	90.909	
428	CM009/01	20/01/25	TT xăng xe - HD 24865 Xăng dầu bình định	1111		90.909
...				...		
3741	CM005/06	27/06/25	TT ăn uống - HD 2643 CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUẾ	6422	3.327.778	
3742	CM005/06	27/06/25	TT ăn uống - HD 2643 CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUẾ	1111		3.327.778
3743	CM005/06	27/06/25	TT ăn uống - HD 2643 CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUẾ	1331	266.222	
3744	CM005/06	27/06/25	TT ăn uống - HD 2643 CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUẾ	1111		266.222
...						
5864	PB007092	30/09/25	Phân bổ 2509CKS tháng 09/2025.	6422	53.858	
5865	PB007092	30/09/25	Phân bổ 2509CKS tháng 09/2025.	2422		53.858
6345	PB007102	31/10/25	Phân bổ 2509CKS tháng 10/2025.	6422	75.033	
6346	PB007102	31/10/25	Phân bổ 2509CKS tháng 10/2025.	2422		75.033
6741	PB007112	30/11/25	Phân bổ 2509CKS tháng 11/2025.	6422	75.033	
6742	PB007112	30/11/25	Phân bổ 2509CKS tháng 11/2025.	2422		75.033
...	-			-		
7704	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	6422	80.153.300	
7705	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	334		80.153.300
7706	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	334	4.189.464	
7707	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	3383		4.189.464
7708	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	334	785.529	
7709	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	3384		785.529
7710	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	334	523.683	
7711	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	3385		523.683
7712	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	6422	9.164.457	
7713	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	3383		9.164.457
7714	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	6422	1.571.049	
7715	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	3384		1.571.049
7716	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	6422	523.683	
7717	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO	3385		523.683
...	...					
7790	KH001122	31/12/25	Khấu hao 16KS tháng 12/2025.	6422	2.066.116	
7791	KH001122	31/12/25	Khấu hao 16KS tháng 12/2025.	2141		2.066.116
7794	KH003122	31/12/25	Khấu hao 19NK tháng 12/2025.	6422	4.817.425	
7795	KH003122	31/12/25	Khấu hao 19NK tháng 12/2025.	2141		4.817.425
7796	KH004122	31/12/25	Khấu hao 200T-M tháng 12/2025.	6422	7.989.820	
7797	KH004122	31/12/25	Khấu hao 200T-M tháng 12/2025.	2141		7.989.820
...						
7802	PB007122	31/12/25	Phân bổ 2509CKS tháng 12/2025.	6422	75.033	
7803	PB007122	31/12/25	Phân bổ 2509CKS tháng 12/2025.	2422		75.033
Tổng cộng số phát sinh					567.665.525.581	567.665.525.581
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập biểu				Giám đốc		
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.14: Sổ Nhật ký chung (Trích sổ Nhật ký chung)

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 6422 (Chi phí quản lý doanh nghiệp)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
...								
4	CM009/01	20/01	TT xăng xe - HD 24865 (Xăng dầu bình định)	1111	909.091		8.561.894	
.....								
68	CM005/06	27/06	TT ăn uống - HD 2643 (CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUẾ)	1111	3.327.778		3.661.114	
...				...				
125	PB0070925	30/09	Phân bổ 2509CKS tháng 09/2025. (2509CKS)	2422	53.858		103.365.562	
138	PB0071025	31/10	Phân bổ 2509CKS tháng 10/2025. (2509CKS)	2422	75.033		97.884.614	
152	PB0071125	30/11	Phân bổ 2509CKS tháng 11/2025. (2509CKS)	2422	75.033		95.019.456	
...				..				
158	TH002/12	31/12	CP lương & BHXH T12 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO)	334	80.153.300		85.718.136	
159	TH002/12	31/12	CP lương & BHXH T12 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO)	3383	9.164.457		94.882.593	
160	TH002/12	31/12	CP lương & BHXH T12 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO)	3384	1.571.049		96.453.642	
161	TH002/12	31/12	CP lương & BHXH T12 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO)	3385	523.683		96.977.325	
162	KH0011225	31/12	Khấu hao 16KS tháng 12/2025. (16KS)	2141	2.066.116		99.043.441	
163	KH0031225	31/12	Khấu hao 19NK tháng 12/2025. (19NK)	2141	4.817.425		103.860.866	
164	KH0041225	31/12	Khấu hao 20OT-M tháng 12/2025. (20OT-M)	2141	7.989.820		111.850.686	
...	..							
168	PB0071225	31/12	Phân bổ 2509CKS tháng 12/2025. (2509CKS)	2422	75.033		112.407.150	
169	KC006/12	31/12	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		112.407.150		
Cộng phát sinh tháng 12					112.407.150	112.407.150		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					305.311.220	305.311.220		
Cộng lũy kế từ đầu năm					1.271.984.433	1.271.984.433		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025						Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.15: Sổ Chi tiết TK 6422 (Trích sổ Chi tiết 6422)

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 642 (Chi phí quản lý kinh doanh)						
				Đơn vị tính : Đồng		
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
4	CM009/01	20/01	TT xăng xe - HD 24865 (Xăng đầu bình định)	1111	909.091	
...						
68	CM005/06	27/06	TT ăn uống - HD 2643 (CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUẾ)	1111	3.327.778	
...				...		
125	PB0070925	30/09	Phân bổ 2509CKS tháng 09/2025. (2509CKS)	2422	53.858	
138	PB0071025	31/10	Phân bổ 2509CKS tháng 10/2025. (2509CKS)	2422	75.033	
152	PB0071125	30/11	Phân bổ 2509CKS tháng 11/2025. (2509CKS)	2422	75.033	
...	..					
158	TH002/12	31/12	CP lương & BHXH T12 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO)	334	80.153.300	
159	TH002/12	31/12	CP lương & BHXH T12 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO)	3383	9.164.457	
160	TH002/12	31/12	CP lương & BHXH T12 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO)	3384	1.571.049	
161	TH002/12	31/12	CP lương & BHXH T12 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO)	3385	523.683	
162	KH0011225	31/12	Khấu hao 16KS tháng 12/2025. (16KS)	2141	2.066.116	
163	KH0031225	31/12	Khấu hao 19NK tháng 12/2025. (19NK)	2141	4.817.425	
164	KH0041225	31/12	Khấu hao 20OT-M tháng 12/2025. (20OT-M)	2141	7.989.820	
..	...	...		...		
168	PB0071225	31/12	Phân bổ 2509CKS tháng 12/2025. (2509CKS)	2422	75.033	
			Cộng phát sinh tháng 12		112.407.150	112.407.150
			Số dư cuối tháng 12			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		305.311.220	305.311.220
			Cộng lũy kế từ đầu năm		1.271.984.433	1.271.984.433
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.16: Sổ Cái TK 642 (Trích sổ Cái 642)

2.2.2.3.Kế toán chi phí tài chính

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng là TK 635 “Chi phí tài chính” dùng để phản ánh các khoản chi phí tiền lãi vay và các khoản chi phí tài chính khác,...

b) Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nợ,
- Chứng từ có liên quan,...

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 635
- Sổ Chi tiết TK 635

c) Kế toán chi phí tài chính.

Ngày 23/07/2025, trích tài khoản ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam để trả lãi vay ngân hàng với số tiền là 66.740 đồng.

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
VIETNAM TECHNOLOGICAL AND COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
MST/Tax Code: 0100230800



BÁO CÁO GIAO DỊCH TÀI KHOẢN / Bank Account Transaction Report

Từ ngày/From: 2025-07-22 Đến ngày/To: 2025-07-23

Thông tin khách hàng / Customer Information

Tên khách hàng/ Customer name

CONG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT H.PRO

Số ID khách hàng/ Customer ID

39983147

Mã số thuế/ Tax ID

0400520349

Địa chỉ/ Address

149 PHẠM TU., P. KHUÊ TRUNG, Q.CAM LÊ, TP.DA NANG,

Số tài khoản/ Account number

439986

Tên tài khoản/ Account name

VND-TGTT-CT TNHH TM VÀ SX H.PRO

Đơn vị tiền tệ/ Currency

VND

Loại tài khoản/ Account type

Current Account

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ/ghi có vào tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

We would like to inform you of your updated debits and credits the following details:

Giao dịch được thực hiện vào ngày nghỉ, ngày lễ sẽ và sau giờ giao dịch sẽ có hiệu lực vào ngày làm việc tiếp theo/ Transactions performed on a non-business day/holiday or after cut off time are posted on the next business day.

Thông tin số dư / Balance Summary

Số dư hiện tại/ Actual balance

53,814,916

Số dư đầu ngày/ Opening balance

356,333

Số dư cuối ngày/ Closing balance

4,978,579

Tổng tiền ghi nợ/ Total debits

761,077,315

Tổng tiền ghi có/ Total credits

766,100,000

Tổng phí/ Total fees

400,439

Tổng thuế/ Total VAT

0

Tổng lệnh ghi nợ/ Total debit transaction

7

Tổng lệnh ghi có/ Total credit transaction

4

Tên tài khoản đối ứng/ Remitter's account name	Ngày giao dịch/ Transaction date	Diễn giải/ Description	Nợ/ Debit	Có/ Credit	Phí - Lãi / Fee - Interest	Thuế/ Transaction VAT	Số dư Running balance
	23/07/2025	Thu nợ gốc (LD-PR) - So khe uoc ST2500109584	-100,000,000				4,978,579
	23/07/2025	Thu nợ lãi (LD-IN) - So khe uoc ST2500109584	0		-66,740		104,978,579
	23/07/2025	Thu nợ gốc (LD-PR) - So khe uoc ST2500109579	-450,000,000				105,045,319
	23/07/2025	Thu nợ lãi (LD-IN) - So khe uoc ST2500109579	0		-333,699		555,045,319
NGUYEN QUOC VIET	23/07/2025	Nt		555,000,000			555,379,018
BHXX LIÊN HUYEN CAM LÊ HOA VANG	22/07/2025	Th0827h-cty h.pro bnhx	-16,757,865				379,018

Hình 2.21: Sao kê số phụ ngân hàng Techcombank

Căn cứ giấy báo nợ của ngân hàng ngày 23/07/2025 về tiền lãi vay mà công ty phải trả, kế toán tiến hành nhập số liệu vào phần mềm. Vào “**Thu chi**” sau đó chọn “**Phiếu chi tiền gửi (báo có)**”. Nhập đầy đủ dữ liệu vào phần mềm và nhấn “**Lưu**”.

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Giá thành Tiền lương Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

Tìm kiếm chứng từ Tìm kiếm chứng từ Bảng cân đối tài khoản Tìm kiếm chứng từ XH1022/07 CG040/07

Số CT: CG040/07 Ngày: 23/07/2025 Chứng từ gốc: Cửa hàng: TT lãi - so khe uoc

Đối tượng: Techcombank/DN "D Techcombank - CN Đà Nẵng" Lý do: VND Tỷ giá: 1

Địa chỉ: Số TK: Tỉnh/TP: Hạch toán chênh lệch tỷ giá

Ngân hàng: Chọn Chứng từ hàng hóa, dịch vụ Hạch toán chênh lệch tỷ giá

	Diễn giải	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng	Ngày đến hạn	Lãi suất(%)	Kỳ tính lãi
▶ 1	TT lãi - so khe uoc	66.740	635	1121K								
* 2												

Hình 2.22: Giao diện phần mềm hạch toán thanh toán lãi vay

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO				Mẫu số S03a-DNN		
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	CG001/01	02/01/25	TT lãi vay Ngân Hàng TMCP Á Châu	34111A	1.675.371	
2	CG001/01	02/01/25	TT lãi vay Ngân Hàng TMCP Á Châu	1121A		1.675.371
....						
4471	CG039/07	23/07/25	TT vay Techcombank - CN Đà Nẵng	34111Te	450.000.000	
4472	CG039/07	23/07/25	TT vay Techcombank - CN Đà Nẵng	1121K		450.000.000
4473	CG040/07	23/07/25	TT lãi - so khe uoc Techcombank - CN Đà Nẵng	635	66.740	
4474	CG040/07	23/07/25	TT lãi - so khe uoc Techcombank - CN Đà Nẵng	1121K		66.740
4475	CG041/07	23/07/25	TT vay Techcombank - CN Đà Nẵng	34111Te	100.000.000	
4476	CG041/07	23/07/25	TT vay Techcombank - CN Đà Nẵng	1121K		100.000.000
....						
7806	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111	7.493.049.631	
7807	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	911		7.493.049.631
7808	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515	3.964	
7809	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911		3.964
7810	KC003/12	31/12/25	K.c Thu nhập khác	711	75.946	
7811	KC003/12	31/12/25	K.c Thu nhập khác	911		75.946
7812	KC004/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	911	7.290.761.165	
7813	KC004/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	632		7.290.761.165
7814	KC005/12	31/12/25	K.c Chi phí tài chính	911	88.798.435	
7815	KC005/12	31/12/25	K.c Chi phí tài chính	635		88.798.435
7816	KC006/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	112.407.150	
7817	KC006/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		112.407.150
7818	KC007/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	911	1.162.791	
7819	KC007/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212		1.162.791
			Tổng cộng số phát sinh		567.665.525.581	567.665.525.581
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập biểu			Kế toán trưởng	Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.17: Sổ Nhật ký chung (Trích sổ Nhật ký chung)

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 635 (Chi phí tài chính)								
								Đơn vị tính : Đồng
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	CG001/01	02/01	TT lãi vay (Ngân Hàng TMCP Á Châu)	1121A	1.583.561		1.583.561	
2	CG002/01	02/01	TT lãi vay (Ngân Hàng TMCP Á Châu)	1121A	1.769.863		3.353.424	
....								
69	CG040/07	23/07	TT lãi - so khe uoc (Techcombank - CN Đà Nẵng)	1121K	66.740		94.139.634	
70	CG044/07	24/07	TT lãi - so khe uoc (Techcombank - CN Đà Nẵng)	1121K	917.671		95.057.305	
...								
115	CG065/12	29/12	TT vay (Ngân Hàng TMCP Á Châu)	1121A	2.369.042		86.113.503	
116	CG068/12	29/12	TT vay (Ngân Hàng TMCP Á Châu)	1121A	2.684.932		88.798.435	
117	KC005/12	31/12	K.c Chi phí tài chính	911		88.798.435		
Cộng phát sinh tháng 12					88.798.435	88.798.435		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					251.031.857	251.031.857		
Cộng lũy kế từ đầu năm					1.197.109.616	1.197.109.616		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025							Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.18: Sổ Chi tiết TK 635 (Trích sổ Chi tiết 635)

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : 149 Phạm Tử, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 635 (Chi phí tài chính)						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	CG001/01	02/01	TT lãi vay (Ngân Hàng TMCP Á Châu)	1121A	1.583.561	
2	CG002/01	02/01	TT lãi vay (Ngân Hàng TMCP Á Châu)	1121A	1.769.863	
....						
69	CG040/07	23/07	TT lãi - so khe uoc (Techcombank - CN Đà Nẵng)	1121K	66.740	
70	CG044/07	24/07	TT lãi - so khe uoc (Techcombank - CN Đà Nẵng)	1121K	917.671	
.....						
115	CG065/12	29/12	TT vay (Ngân Hàng TMCP Á Châu)	1121A	2.369.042	
116	CG068/12	29/12	TT vay (Ngân Hàng TMCP Á Châu)	1121A	2.684.932	
117	KC005/12	31/12	K.c Chi phí tài chính	911		88.798.435
Cộng phát sinh tháng 12					88.798.435	88.798.435
Số dư cuối tháng 12						
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					251.031.857	251.031.857
Cộng lũy kế từ đầu năm					1.197.109.616	1.197.109.616
Số dư cuối kỳ				x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.19: Sổ Cái TK 635 (Trích sổ Cái 635)

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác

a) Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 811 – “Chi phí khác”. Trong kỳ công ty chỉ có phát sinh chi phí bị loại do không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và không đáp ứng đủ điều kiện quy định.

b) Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- Sao kê ngân hàng,...

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 811
- Sổ Chi tiết TK 811

c) Kế toán chi phí khác

Nghiệp vụ:

Ngày 06/07/2026 Công ty phát sinh một hóa đơn ăn uống số hóa đơn 250, vì đây là chi phí ăn uống của cá nhân Giám đốc, không liên quan đến công việc, tiếp khách, nên đây là chi phí bị loại trừ, với số tiền 5.569.830 đồng.

[illegible]

65

Trình tự nhập liệu: Vào “**Thu chi**” sau đó chọn “**Phiếu chi tiền mặt (báo nợ)**”. Sau khi nhập đầy đủ dữ liệu vào phần mềm và nhấn “**Lưu**” thì phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 811, sổ chi tiết TK 811.

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Giá thành Tiền lương Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language
 Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

Bảng cân đối tài khoản CM032/07

Số CT: CM032/07 Ngày: 06/07/2025 Chứng từ gốc: Cửa hàng:
 Đối tượng: 8072672372 *D Nguyễn Đăng Khoa Lý do: TT ăn uống - HD 250
 Địa chỉ: Lô A61, A62, A63 Trần Văn Trú, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Loại tiền: VND Tỷ giá: 1

Chi tiết thu chi

Chọn Chứng từ hàng hóa, dịch vụ Hạch toán chênh lệch tỷ giá

	Diễn giải	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng	Ngày đến hạn	Lãi suất(%)	Ký tính lãi
▶ 1	TT ăn uống - HD 250	5.569.830	811	1111								
*2												

Hình 2.24: Giao diện phần mềm hạch toán chi phí khác

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO				Mẫu số S03a-DNN		
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	CG001/01	02/01/25	TT lãi vay Ngân Hàng TMCP Á Châu	34111A	1.675.371	
2	CG001/01	02/01/25	TT lãi vay Ngân Hàng TMCP Á Châu	1121A		1.675.371
....						
4081	NH1005/01	05/07/25	Thuế GTGT Nhập hàng - HD 00001018 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VĂN CAO	331		24.888.889
4082	CM032/07	06/07/25	TT ăn uống - HD 250 Nguyễn Đăng Khoa	811	5.569.830	
4083	CM032/07	06/07/25	TT ăn uống - HD 250 Nguyễn Đăng Khoa	1111		5.569.830
4084	NH1006/01	07/07/25	Nhập hàng - HD 00003262 Công ty TNHH RiverBank Việt Nam	156	40.342.500	
4085	NH1006/01	07/07/25	Nhập hàng - HD 00003262 Công ty TNHH RiverBank Việt Nam	331		40.342.500
....						
7806	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111	7.493.049.631	
7807	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	911		7.493.049.631
7808	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515	3.964	
7809	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911		3.964
7810	KC003/12	31/12/25	K.c Thu nhập khác	711	75.946	
7811	KC003/12	31/12/25	K.c Thu nhập khác	911		75.946
7812	KC004/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	911	7.290.761.165	
7813	KC004/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	632		7.290.761.165
7814	KC005/12	31/12/25	K.c Chi phí tài chính	911	88.798.435	
7815	KC005/12	31/12/25	K.c Chi phí tài chính	635		88.798.435
7816	KC006/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	112.407.150	
7817	KC006/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		112.407.150
7818	KC007/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	911	1.162.791	
7819	KC007/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212		1.162.791
			Tổng cộng số phát sinh		567.665.525.581	567.665.525.581
Ngày mở sổ: 01/01/2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người lập biểu			Kế toán trưởng		Giám đốc	
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Bảng 2.20: Sổ Nhật ký chung (Trích sổ Nhật ký chung)

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 811 (Chi phí khác)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	CM001/04	16/04	TT tiền khám chữa bệnh - HĐ 3543 (NGUYỄN QUỐC VIỆT)	1111	4.258.979		4.258.979	
.....								
3	CM032/07	06/07	TT ăn uống - HĐ 250 (Nguyễn Đăng Khoa)	1111	5.569.830		5.569.830	
4	KC007/07	31/07	K.c Chi phí khác	911		5.569.830		
Cộng phát sinh tháng 07					5.569.830	5.569.830		
Số dư cuối tháng 07								
.....								
6	KC007/10	31/10	K.c Chi phí khác	911		42.600		
Cộng phát sinh tháng 10					42.600	42.600		
Số dư cuối tháng 10								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					42.600	42.600		
Cộng lũy kế từ đầu năm					9.871.409	9.871.409		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.21: Sổ Chi tiết TK 811 (Trích sổ Chi tiết 811)

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO					Mẫu số S03b-DNN	
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)	
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 811 (Chi phí khác)						
					Đơn vị tính : Đồng	
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	CM001/04	16/04	TT tiền khám chữa bệnh - HĐ 3543 (NGUYỄN QUỐC VIỆT)	1111	4.258.979	
.....						
			Cộng phát sinh tháng 04		4.258.979	4.258.979
			Số dư cuối tháng 04			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 2		4.258.979	4.258.979
3	CM032/07	06/07	TT ăn uống - HĐ 250 (Nguyễn Đăng Khoa)	1111	5.569.830	
4	KC007/07	31/07	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		5.569.830
....						
6	KC007/10	31/10	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		42.600
			Cộng phát sinh tháng 10		42.600	42.600
			Số dư cuối tháng 10			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		42.600	42.600
			Cộng lũy kế từ đầu năm		9.871.409	9.871.409
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ				Kế toán trưởng		
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)		
				Giám đốc		
				(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.22: Sổ Cái TK 811 (Trích sổ Cái 811)

2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế mà doanh nghiệp phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành. Đây là căn cứ quan trọng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

Hàng quý, kế toán căn cứ vào kết quả kinh doanh để tạm tính số thuế TNDN phải nộp. Đến cuối năm, dựa trên tổng kết kết quả hoạt động kinh doanh cả năm, kế toán trưởng tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp để nộp cho Nhà nước theo đúng quy định

a) Tài khoản sử dụng

Để phản ánh chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, công ty sử dụng TK 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”.

b) Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

- Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 821
- Sổ Chi tiết TK 821

c) Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Vào thời điểm cuối kỳ kế toán, sau khi hoàn tất việc kiểm tra, đối soát đã liệu và hoàn thành báo cáo tài chính năm, kế toán trưởng tiến hành lập Tờ khai quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Để lập được tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp: Đăng nhập vào HTKK -> Nhập MST -> Ấn đồng ý.



Hình 2.25: Giao diện phần mềm hỗ trợ kê khai thuế

- Chọn tờ khai Quyết toán TNDN (03/TNDN) (TT80/2021) -> Chọn phụ lục 03-1A/TNDN



Sau khi kiểm tra tính khớp đúng giữa phần mềm kế toán và phần mềm kê khai, đơn vị thực hiện kết xuất tờ khai để nộp cho cơ quan thuế theo đúng thời hạn quy định.

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO
[03] Mã số thuế: 0400520349

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	45.175.709.056
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	31.519
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	45.571.876.522
a	Giá vốn hàng bán	[13]	44.299.892.089
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	1.271.984.433
5	Chi phí tài chính	[16]	1.197.109.616
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	1.197.109.616
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(1.593.245.563)
7	Thu nhập khác	[19]	86.476
8	Chi phí khác	[20]	9.871.409
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(9.784.933)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(1.603.030.496)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 31 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

NGUYỄN QUỐC VIỆT

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO.**

Hình 2.26: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 80/2021/TT-BTC ngày 29
tháng 9 năm 2021 của Bộ
tương Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề cơ tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO

[07] Mã số thuế: 0400520349

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(1.603.030.496)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	1.206.981.025
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	1.206.981.025
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(396.049.471)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(396.049.471)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(396.049.471)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0

3.2	+ <i>Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD</i>	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) ($C4 = C1 - C2 - C3$)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6 = C4 - C5 = C7 + C8$)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ <i>Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%</i>	C7	0
6.2	+ <i>Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác</i>	C8	0
6.3	+ <i>Thuế suất không ưu đãi khác (%)</i>	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9 = (C7 \times 20\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ <i>Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi</i>	C11	0
8.2	+ <i>Thuế TNDN được miễn trong kỳ</i>	C12	0
8.3	+ <i>Thuế TNDN được giảm trong kỳ</i>	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17 = C9 - C10 - C14 - C15 - C16$)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3 = D1 - D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5 = D3 - D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8 = D6 - D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E = E1 + E2 + E5$)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2 = E3 + E4$)	E2	0
2.1	<i>Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>	E3	0
2.2	<i>Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ</i>	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	<i>Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G = G1 + G2 + G3 + G4 + G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0

2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=H1+H2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NGHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 31 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

NGUYỄN QUỐC VIỆT

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO.

Hình 2.27: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

- Cách lên tờ khai quyết toán thuế TNDN:
- + Chỉ tiêu A1 (Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN): -1.603.030.496 được lấy ở mã số 60 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- + Chỉ tiêu B4 (Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế): 1.206.981.025, ta tính chi phí lãi vay không được trừ + chi phí khác (ở mục 32 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh)
- Vì đây là khoản vay không phục vụ cho sản xuất kinh doanh, là khoản vay riêng của cá nhân giám đốc nhưng tiền không đưa vào hoạt động kinh doanh nên toàn bộ lãi vay này bị loại.

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a) Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 911 – “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”.

b) Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 911 – “Kết quả hoạt động kinh doanh”

c) Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để thực hiện kết quả kinh doanh như sau:

Vào “**Tổng hợp**” ☐ chọn “**Kết chuyển, mở sổ/ khóa sổ**” ☐ kích chọn “**Thực hiện kết chuyển/mở sổ**” ☐ màn hình thực hiện kết chuyển/mở sổ xuất hiện kế toán tiến hành chọn “tháng” cần kết chuyển ☐ tiến hành tích chọn vào ô “Khóa dữ liệu sau khi kết chuyển” và “Kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ (đầu ra – đầu vào)”

Hình 2.28: Giao diện kết chuyển trên phần mềm Việt Đà

Công ty sử dụng bút toán kết chuyển theo tháng bằng các bút toán phân bổ tự động và các bút toán kết chuyển tự động trên phần mềm. Kế toán tiến hành chọn bút toán kết chuyển trên phần mềm với giao diện chọn bút toán kết chuyển tự động.

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO				Mẫu số S03a-DNN		
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	CG001/01	02/01/25	TT lãi vay Ngân Hàng TMCP Á Châu	34111A	1.675.371	
2	CG001/01	02/01/25	TT lãi vay Ngân Hàng TMCP Á Châu	1121A		1.675.371
....						
7790	KH001122	31/12/25	Khấu hao 16KS tháng 12/2025.	6422	2.066.116	
7791	KH001122	31/12/25	Khấu hao 16KS tháng 12/2025.	2141		2.066.116
7792	PB002122	31/12/25	Phân bổ 18ML3 tháng 12/2025.	6422	136.103	
7793	PB002122	31/12/25	Phân bổ 18ML3 tháng 12/2025.	2422		136.103
7794	KH003122	31/12/25	Khấu hao 19NK tháng 12/2025.	6422	4.817.425	
7795	KH003122	31/12/25	Khấu hao 19NK tháng 12/2025.	2141		4.817.425
7796	KH004122	31/12/25	Khấu hao 20OT-M tháng 12/2025.	6422	7.989.820	
7797	KH004122	31/12/25	Khấu hao 20OT-M tháng 12/2025.	2141		7.989.820
7798	PB005122	31/12/25	Phân bổ 2504-CKS tháng 12/2025.	6422	32.828	
7799	PB005122	31/12/25	Phân bổ 2504-CKS tháng 12/2025.	2422		32.828
7800	PB006122	31/12/25	Phân bổ 2505-WEB tháng 12/2025.	6422	312.500	
7801	PB006122	31/12/25	Phân bổ 2505-WEB tháng 12/2025.	2422		312.500
7802	PB007122	31/12/25	Phân bổ 2509CKS tháng 12/2025.	6422	75.033	
7803	PB007122	31/12/25	Phân bổ 2509CKS tháng 12/2025.	2422		75.033
7806	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111	7.493.049.631	
7807	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	911		7.493.049.631
7808	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515	3.964	
7809	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911		3.964
7810	KC003/12	31/12/25	K.c Thu nhập khác	711	75.946	
7811	KC003/12	31/12/25	K.c Thu nhập khác	911		75.946
7812	KC004/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	911	7.290.761.165	
7813	KC004/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	632		7.290.761.165
7814	KC005/12	31/12/25	K.c Chi phí tài chính	911	88.798.435	
7815	KC005/12	31/12/25	K.c Chi phí tài chính	635		88.798.435
7816	KC006/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	112.407.150	
7817	KC006/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		112.407.150
7818	KC007/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	911	1.162.791	
7819	KC007/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212		1.162.791
			Tổng cộng số phát sinh		567.665.525.581	567.665.525.581
Ngày mở sổ: 01/01/2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người lập biểu			Kế toán trưởng			
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			
			Giám đốc			
			(Ký, họ tên, đóng dấu)			

Bảng 2.23: Sổ Nhật ký chung (Trích sổ Nhật ký chung)

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.DNN				Mẫu số S19-DNN				
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)				
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 911 (Xác định kết quả kinh doanh)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	KC002/01	31/01	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		581.120.983		581.120.983
2	KC003/01	31/01	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		474		581.121.457
....								
73	KC001/12	31/12	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		7.493.049.631		7.493.049.631
74	KC002/12	31/12	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		3.964		7.493.053.595
75	KC003/12	31/12	K.c Thu nhập khác	711		75.946		7.493.129.541
76	KC004/12	31/12	K.c giá vốn hàng bán	632	7.290.761.165			202.368.376
77	KC005/12	31/12	K.c Chi phí tài chính	635	88.798.435			113.569.941
78	KC006/12	31/12	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	112.407.150			1.162.791
79	KC007/12	31/12	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212	1.162.791			
Cộng phát sinh tháng 12					7.493.129.541	7.493.129.541		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					11.565.126.948	11.565.126.948		
Cộng lũy kế từ đầu năm					46.780.020.338	46.780.020.338		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.24: Sổ Chi tiết TK 911 (Trích sổ Chi tiết 911)

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX H.PRO				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : 149 Phạm Tứ, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 911 (Xác định kết quả kinh doanh)						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	KC002/01	31/01	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		581.120.983
2	KC003/01	31/01	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		474
3	KC004/01	31/01	K.c giá vốn hàng bán	632	550.468.348	
...	...	.				
73	KC001/12	31/12	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		7.493.049.631
74	KC002/12	31/12	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		3.964
75	KC003/12	31/12	K.c Thu nhập khác	711		75.946
76	KC004/12	31/12	K.c giá vốn hàng bán	632	7.290.761.165	
77	KC005/12	31/12	K.c Chi phí tài chính	635	88.798.435	
78	KC006/12	31/12	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	112.407.150	
79	KC007/12	31/12	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212	1.162.791	
Cộng phát sinh tháng 12					7.493.129.541	7.493.129.541
Số dư cuối tháng 12						
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					11.565.126.948	11.565.126.948
Cộng lũy kế từ đầu năm					46.780.020.338	46.780.020.338
Số dư cuối kỳ				x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2.25: Sổ Cái TK 911 (Trích sổ Cái 911)

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: **B02**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO

[03] Mã số thuế: 0400520349

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	45.175.709.056	47.051.172.393
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		45.175.709.056	47.051.172.393
4. Giá vốn hàng bán	11		44.299.892.089	46.217.023.156
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		875.816.967	834.149.237
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		31.519	13.372
7. Chi phí tài chính	22		1.197.109.616	1.203.113.686
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.271.984.433	1.267.796.297
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(1.593.245.563)	(1.636.747.374)
10. Thu nhập khác	31		86.476	0
11. Chi phí khác	32		9.871.409	4.500
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(9.784.933)	(4.500)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	(1.603.030.496)	(1.636.751.874)
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(1.603.030.496)	(1.636.751.874)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Nguyễn Lê Anh Tuấn



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO.

Hình 2.29: Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 3. NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro

Là công ty với quy mô không lớn khi hoạt động trong thị trường, Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro vẫn đứng vững và phát triển, đó là một thành công rất lớn. Đằng sau sự thành công ấy là cả một quá trình phấn đấu không ngừng của toàn thể nhân viên trong công ty. Sự nhạy bén, linh hoạt trong công tác quản lý và việc tổ chức kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán bán hàng nói riêng cũng phải được hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế thị trường. Qua một thời gian tìm hiểu thực tế công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro, dựa trên những kiến thức, những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán kế toán đã được trang bị tại trường em xin nêu ra một số nhận xét đánh giá sau:

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về bộ tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, gọn nhẹ và có sự phân công công việc tương đối rõ ràng giữa Kế toán trưởng, Kế toán tổng hợp và Thủ quỹ. Điều này giúp thông tin kế toán được xử lý một cách nhanh chóng và bảo mật.

❖ Về phần mềm kế toán:

Việc sử dụng phần mềm kế toán Việt Đà đã hỗ trợ rất nhiều cho công tác kế toán, giảm tải được nhiều công việc, thuận lợi cho công tác nhập thông tin, xử lý và lưu trữ thông tin giúp tiết kiệm thời gian và đảm bảo độ chính xác số liệu kế toán.

❖ Về hình thức ghi sổ:

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung trên phần mềm Việt Đà để ghi sổ kế toán, đây là hình thức ghi sổ theo một trình tự ghi chép khá đơn giản, kết cấu mẫu số dễ dàng ghi chép, kiểm tra cũng như đối chiếu.

❖ Về chính sách và chế độ kế toán áp dụng:

Các chính sách và chế độ kế toán của công ty được xây dựng dựa trên hệ thống và chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC phù hợp với đặc điểm hoạt động của công ty, góp phần thuận lợi cho công tác hạch toán tại công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh các ưu điểm đạt được, công tác kế toán tại công ty vẫn tồn tại một số điểm chưa hợp lý cần được làm rõ và điều chỉnh:

❖ *Về kế toán doanh thu và quản lý công nợ:*

Dù đã có sự thống nhất nhưng việc tự ý làm tròn số liệu thanh toán trên dòng tiền ngân hàng phản ánh sự thiếu nghiêm túc trong kỷ luật chứng từ và có thể tích tụ chênh lệch lớn nếu phát sinh nhiều giao dịch.

❖ *Về chính sách các khoản giảm trừ doanh thu:*

Doanh nghiệp chưa chủ động xây dựng và hạch toán chính sách chiết khấu thương mại hay giảm giá hàng bán nhằm thu hút các khách hàng truyền thống lớn mua sắm sơn, dung môi số lượng lớn, làm hạn chế khả năng cạnh tranh trên thị trường.

❖ *Về kế toán chi phí quản lý kinh doanh:*

Công ty chưa phân loại riêng biệt chi phí quản lý doanh nghiệp 6422 và chi phí bán hàng 6421. Việc công ty quản lý tất cả trên TK 6422 chung cho cả bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý văn phòng mà không mở sổ chi tiết 6421, 6422 khiến cho Ban giám đốc gặp khó khăn trong việc đánh giá chính xác hiệu quả chi phí của từng bộ phận.

❖ *Phân bổ công cụ dụng cụ:*

Qua kiểm tra sổ theo dõi công cụ dụng cụ, công ty ghi nhận máy lạnh có nguyên giá 17.818.182 đồng vào công cụ dụng cụ nhưng lại phân bổ trong 132 tháng là chưa hợp lý. Thời gian phân bổ này quá dài so với mức phân bổ tối đa của công cụ dụng cụ là 12 - 16 tháng, chưa đúng với bản chất của công cụ dụng cụ gây ra sự thiếu nhất quán giữa phân loại tài sản và phương pháp ghi nhận chi phí.

❖ *Các khoản trích theo lương:*

Khi kế toán hạch toán các khoản trích theo lương gộp chung một lần với diễn giải của bảo hiểm xã hội trên phần mềm, điều này phản ánh các diễn giải của các khoản bảo hiểm y tế hay bảo hiểm thất nghiệp bị sai với tên gọi tài khoản của nó. Tuy việc gộp chung hạch toán nhằm tránh mất thời gian hơn của kế toán nhưng điều này là không hợp lý.

❖ *Tình hình kinh doanh:*

Công ty đang trong tình trạng lỗ nặng. Doanh thu không đủ bù đắp vào khoản chi phí công ty bỏ ra, thị trường cạnh tranh khốc liệt, giá cả nhiều biến động, lượng khách hàng mua bán giảm nên buộc phải bán với giá vừa phải.

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất H.Pro

❖ Về kế toán doanh thu và quản lý công nợ:

Công ty phải chấm dứt thói quen tự làm tròn số tiền khi chuyển khoản qua Ngân hàng để đảm bảo tính khớp đúng giữa sổ phụ ngân hàng và hóa đơn mua/bán. Đối với các khoản chênh lệch nhỏ phải được hạch toán vào doanh thu/chi phí theo đúng bản chất kinh tế.

❖ Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Nhằm giữ chân và thu hút khách hàng mua sắm sơn với số lượng lớn tại thị trường Đà Nẵng, công ty cần ban hành chính sách chiết khấu thương mại để mang lại hiệu quả cho việc tăng doanh số bán hàng của công ty.

Ví dụ: khách hàng mua trên 500 thùng sơn/tháng sẽ được hưởng chiết khấu 2% trên tổng giá trị đơn hàng.

Nợ TK 511:

Nợ TK 3331:

Có TK 131:

❖ Kế toán chi phí quản lý kinh doanh:

Để phục vụ mục đích quản trị nội bộ chuyên sâu và dễ dàng theo dõi, kế toán cần khai báo mở thêm sổ chi tiết:

- TK 6421 để hạch toán lương cho nhân viên giao hàng, nhân viên kinh doanh, nhân viên bán hàng, nhân viên kỹ thuật và nhân viên bộ phận sản xuất
- TK 6422 để tập hợp các chi phí quản lý chung của toàn văn phòng như tiền lương bộ phận kế toán, giám đốc,...

+ Bộ phận quản lý hành chính:

Nợ TK 6422: 21.083.700

Có TK 334: 21.083.700

- BH tính vào lương:

Nợ TK 334: 1.169.496

Có TK 3383: 1.169.496

Nợ TK 334: 219.281

Có TK 3384: 219.281

Nợ TK 334: 146.187

Có TK 3385: 146.187

- BH tính vào chi phí:

Nợ TK 6422: 2.558.273

Có TK 3383: 2.558.273

Nợ TK 6422: 438.561

Có TK 3384: 438.561

Nợ TK 6422: 146.187

Có TK 3385: 146.187

+ Bộ phận Bán hàng, nhân viên

Nợ TK 6421: 59.069.600

Có TK 334: 59.069.600

• BH tính vào lương:

Nợ TK 334: 3.019.968

Có TK 3383: 3.019.968

Nợ TK 334: 566.248

Có TK 3384: 566.248

Nợ TK 334: 377.496

Có TK 3385: 377.496

• BH tính vào chi phí:

Nợ TK 6421: 6.606.184

Có TK 3383: 6.606.184

Nợ TK 6421: 1.132.488

Có TK 3384: 1.132.488

Nợ TK 6421: 8.116.168

Có TK 3385: 8.116.168

❖ *Phân bổ công cụ dụng cụ:*

Công ty cần xác định thời gian phân bổ công cụ dụng cụ theo từng nhóm hàng để phản ánh đúng bản chất sử dụng. Đối với máy lạnh có thời gian sử dụng dài nhưng nguyên giá dưới mức ghi nhận tài sản cố định, công ty vẫn ghi nhận là công cụ dụng cụ nhưng cần lựa chọn thời gian phân bổ hợp lý ví dụ như 24-36 tháng thay vì 132 tháng như hiện tại. Giúp phản ánh chính xác chi phí quản lý doanh nghiệp và hạn chế rủi ro khi cơ quan thuế kiểm tra.

– Hiện tại công ty đang phân bổ 132 tháng:

+ Bút toán hiện tại: $17.818.182 / 132 = 134.986\text{đ}/\text{tháng}$

Nợ TK 6422: 134.986

Có TK 242: 134.986

– Bút toán hoàn thiện đề xuất điều chỉnh về 36 tháng:

+ Bút toán phân bổ mới: $17.818.182 / 36 = 494.949\text{đ/tháng}$

Nợ TK 6422: 494.949

Có TK 242: 494.949

❖ *Các khoản trích theo lương:*

Không gộp chung phần hạch toán các khoản trích theo lương, hạch toán riêng lẻ các bút toán và ghi rõ diễn giải để đúng với các khoản trích nhằm đúng và hợp lý tên gọi của tài khoản.

❖ *Giải pháp khác:*

- Doanh nghiệp cần giữ vững và mở rộng thị trường, xóa bỏ dần những khoảng trống nhằm ngăn chặn thị trường của đối thủ cạnh tranh. Để làm được điều đó doanh nghiệp cần quan tâm đến khách hàng truyền thống, duy trì mối quan hệ phát triển lâu dài, giá cả ổn định và đảm bảo chất lượng
- Phát huy tăng trưởng doanh thu để tăng lợi nhuận và có nghĩa vụ thuế về nhà nước.

KẾT LUẬN

Việt nam hiện nay đã và đang hội nhập với các nền kinh tế trên thế giới, quá trình đã đem lại tiềm năng, cơ hội để phát triển nhưng không thể không kể tới những khó khăn, thách thức mà thị trường đang đặt ra. Các doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro nói riêng phải nỗ lực không ngừng để có thể tận dụng cũng như vượt qua những khó khăn nhằm đạt mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp và thúc đẩy nền kinh tế nước nhà đi lên. Kế toán đến nay là một công cụ cực kỳ quan trọng trong quản lý kinh tế nói chung và xác định hiệu quả kinh doanh nói riêng trong một doanh nghiệp. Qua quá trình tìm hiểu thực tế kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một vai trò không thể thiếu trong công tác quản lý doanh nghiệp. Mặc dù công ty còn những hạn chế nhưng nhìn chung đã đạt được những thành quả trong hoạt động kinh doanh, có ý nghĩa rất nhiều về mặt kinh tế lẫn xã hội. Sau thời gian làm việc và thực tập tại công ty, em thấy rằng giữa lý thuyết và thực tế có một khoảng cách nhất định. Em thấy bản thân vẫn chưa hiểu hết được các nghiệp vụ kế toán. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những rất quan trọng mà còn khó và phức tạp. Do đó đòi hỏi cán bộ kế toán không chỉ nắm vững về lý thuyết mà còn phải hiểu sâu về thực tế thì mới có thể vận dụng một cách khoa học lý luận và thực tiễn để nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn cô giáo Ths. Lâm Xuân Đào đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này, và em cũng cảm ơn các chị phòng kế toán của Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro đã rất nhiệt tình tạo điều kiện giúp đỡ em trong quá trình thực tập và thu thập tài liệu. Tuy nhiên, trình độ cũng như kinh nghiệm của bản thân em còn hạn chế nên khóa luận tốt nghiệp của em chắc chắn không sót khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo tận tình của thầy cô giáo, cán bộ kế toán trong công ty để khóa luận em hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Đà Nẵng, ngày tháng 06 năm 2026

Sinh viên thực hiện

Ngô Thị Hoàn

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày ban hành thông tư: 26/08/2016
2. Chuẩn mực kế toán Việt Nam
3. Tài liệu kế toán của Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất H.Pro năm 2025
4. Một số website tham khảo:
 - <https://thuvienphapluat.vn/>
 - <http://www.webketoan.vn>
 - <https://ketoanthienung.net>
 - <https://congdongketoan.vn>

PHỤ LỤC

- Hóa đơn ăn uống 250
- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG (SALES INVOICE)					
		(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử) (Electronic invoice display)		Ký hiệu (Serial No): 2C25MDK	
		Ngày (date) 06 tháng (month) 07 năm (year) 2025		Số (No.): 250	
Mã của cơ quan thuế: M2-25-NRYW1-00000000250					
Đơn vị bán hàng (Seller): NGUYỄN ĐĂNG KHOA					
Mã số thuế (Tax code): 8072672372					
Địa chỉ (Address): Lô A61, A62, A63 Trần Văn Trứ - Phường Hoà Cường - Thành Phố Đà Nẵng					
Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):					
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT H.PRO					
Địa chỉ (Address): 149 Phạm Tử, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam					
Mã số thuế (Tax code): 0400520349					
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK					
Căn cước công dân (Identity Card):			Số điện thoại (Tel):		
Số tài khoản (A/C No):			Tại (At):		
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Khăn Lạnh	Cái	12	5.000	60.000
2	Nước Suối	Chai	1	10.000	10.000
3	Corona (250ml)	Chai	7	30.000	210.000
4	Cơm Chiên Hải Sản	Phần	4	105.000	420.000
5	Mực Lăn Bột Chiên Giòn	Phần	4	125.000	500.000
6	Chả Cua Um Măng	Phần	4	165.000	660.000
7	Heineken Silver Lon	Lon	78	28.000	2.184.000
8	Bò Húc	Lon	1	20.000	20.000
9	Pepsi	Lon	5	15.000	75.000
10	Cháo Bò Bằm	Phần	1	125.000	125.000
11	Mỳ Xào Hải Sản	Phần	1	105.000	105.000
12	Tôm Xóc Tỏi	Phần	4	160.000	640.000
13	Sụn Gà Chiên Mắm	Phần	4	85.000	340.000
14	Xoài	Phần	1	50.000	50.000
15	Gỏi Thái Hải Sản	Phần	1	125.000	125.000

Tracuuhoa don tại website: <https://tracuuhoadon.minvoice.com.vn/> - Mã tra cứu: 9867E1EE

(Không tạo từ Phần mềm M-INVOICE - CÔNG TY TNHH HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ M-INVOICE - MST: 0106026495 - Hotline: 0901 80 16 18)

Trang 1/2

Đơn vị : Công ty TNHH TM & SX HPRO						Mẫu số S06-DNN						
Địa chỉ : 149 Phạm Tử, P. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng						(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)						
SỞ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA												
Năm 2025												
Tài khoản: 156 (Hàng hoá) Mặt hàng: DMCNDV (Dung môi công nghiệp) - DVT: kg												
Đơn vị tính : Đồng												
Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Nhập			Xuất			Tồn		
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3 = 1 x 2	4	5	6 = 4 x 5	7	8	9 = 7 x 8
Số tồn đầu kỳ										0	0	0
NH1023/07	23/07	Nhập hàng - HD 338 Công ty TNHH MTV Thành Hoàng Châu	331	21.500	13.200	283.800.000				21.500	13.200	283.800.000
XH1021/07	29/07	Xuất hàng - HD 00000193 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MAI PHƯỚC TIẾN	632				1.593	13.200	21.027.600	19.907	13.200	262.772.400
XH1022/07	29/07	Xuất hàng - HD 00000194 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI & XÂY DỰNG MINH DUYỄN	632				406	13.200	5.359.200	19.501	13.200	257.413.200
XH1023/07	30/07	Xuất hàng - HD 00000196 CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO TIA CHỚP VIỆT	632				1.232	13.200	16.262.400	18.269	13.200	241.150.800
XH1004/08	07/08	Xuất hàng - HD 00000200 CÔNG TY TNHH LƯƠNG PHÚC KHANG	632				800	13.200	10.560.000	17.469	13.200	230.590.800
XH1005/08	08/08	Xuất hàng - HD 00000201 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LÊ MINH TRI	632				240	13.200	3.168.000	17.229	13.200	227.422.800
XH1006/08	15/08	Xuất hàng - HD 00000202 CÔNG TY TNHH TRẦN HUNG THINH PHÁT	632				3.000	13.200	39.600.000	14.229	13.200	187.822.800
XH1007/08	21/08	Xuất hàng - HD 00000203 CÔNG TY TNHH THC FURNITURE	632				460	13.200	6.072.000	13.769	13.200	181.750.800
XH1008/08	21/08	Xuất hàng - HD 00000205 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NỘI THẤT ĐỨC TỬ	632				1.240	13.200	16.368.000	12.529	13.200	165.382.800
XH1009/08	21/08	Xuất hàng - HD 00000204 Công ty TNHH Hoso Việt Nam	632				90	13.200	1.188.000	12.439	13.200	164.194.800
XH1012/08	25/08	Xuất hàng - HD 00000206 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ACV	632				6.000	13.200	79.200.000	6.439	13.200	84.994.800
XH1014/08	29/08	Xuất hàng - HD 00000208 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TUẤN LONG	632				250	13.200	3.300.000	6.189	13.200	81.694.800
XH1016/08	29/08	Xuất hàng - HD 00000210 CÔNG TY TNHH VỆ SINH NHÀ SẠCH HÀ TĨNH	632				674	13.200	8.896.800	5.515	13.200	72.798.000
XH1017/08	30/08	Xuất hàng - HD 00000212 CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO TIA CHỚP VIỆT	632				1.257	13.200	16.592.400	4.258	13.200	56.205.600
XH1008/09	11/09	Xuất hàng - HD 00000217 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CƠ KHÍ TRẦN VIỆT THẮNG	632				150	13.200	1.980.000	4.108	13.200	54.225.600
XH1006/09	15/09	Xuất hàng - HD 00000219 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NỘI THẤT ĐỨC TỬ	632				1.425	13.200	18.810.000	2.683	13.200	35.415.600
XH1010/09	15/09	Xuất hàng - HD 00000220 Công ty TNHH SX & TM Phương Thịnh	632				2.000	13.200	26.400.000	683	13.200	9.015.600
XH1004/09	17/09	Xuất hàng - HD 00000224 CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ FALA	632				576	13.200	7.603.200	107	13.200	1.412.400
XH1020/09	19/09	Xuất hàng - HD 00000230 Công ty TNHH Hoso Việt Nam	632				90	13.200	1.188.000	17	13.200	224.400
NH1018/09	30/09	Nhập hàng - HD 00000420 Công ty TNHH MTV Thành Hoàng Châu	331	10.000	14.400	144.000.000				10.017	14.398	144.224.400
NH1019/09	30/09	Nhập hàng - HD 00000427 Công ty TNHH MTV Thành Hoàng Châu	331	5.000	14.400	72.000.000				15.017	14.399	216.224.400
XH1010/10	15/10	Xuất hàng - HD 00000248 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN VĂN KINH	632				952	14.379	13.688.400	14.065	14.400	202.536.000
XH1014/10	16/10	Xuất hàng - HD 00000251 CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC - NỘI THẤT E & I	632				140	14.400	2.016.000	13.925	14.400	200.520.000
XH1017/10	24/10	Xuất hàng - HD 00000255 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HUNG MẠNH GIA	632				130	14.400	1.872.000	13.795	14.400	198.648.000
XH1018/10	24/10	Xuất hàng - HD 00000256 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MAI PHƯỚC TIẾN	632				1.016	14.400	14.630.400	12.779	14.400	184.017.600
XH1016/10	28/10	Xuất hàng - HD 00000259 CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT SƠN MINH HƯNG	632				6.750	14.400	97.200.000	6.029	14.400	86.817.600
....												
Cộng phát sinh				36.500		499.800.000	36.007		492.700.800			
Số dư cuối kỳ										403	14.400	5.803.200
Ngày mở sổ : 01/01/2025										Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ (Ký, họ tên)							Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		

88